



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Du lịch - K.21 - Lớp 1 (DDL1211)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121570008	Phan Thị	Ánh	29/12/2003	100	Xuất sắc
2	3121570010	Lê Hải	Anh	03/12/2003	60	Trung bình
3	3121570017	Hồ Ngọc Bảo	Châu	25/01/2003	72	Khá
4	3121570022	Fum Mro	Dip	21/04/2003	71	Khá
5	3121570024	Ngô Hồ Bảo	Duy	03/03/2003	65	Khá
6	3121570026	Phạm Thị Thùy	Dương	06/08/2003	65	Khá
7	3121570028	Nguyễn Hoàng	Đan	19/09/2003	0	Kém
8	3121570004	Nguyễn Thành	Đạt	24/01/2003	63	Trung bình
9	3121570031	Lê Đình	Đức	30/12/2003	59	Trung bình
10	3121570001	Nguyễn Thị Tuyết	Ghi	20/07/2002	78	Khá
11	3121570033	Nguyễn Thị	Hà	23/10/2003	74	Khá
12	3121570035	Nguyễn Nhựt	Hào	29/03/2002	70	Khá
13	3121570039	Nguyễn Thị Thu	Hiền	18/04/2003	62	Trung bình
14	3121410195	Nguyễn Huỳnh Minh	Hiếu	18/08/2003	64	Trung bình
15	3121570047	Lê Thị Thùy	Linh	28/11/2003	78	Khá
16	3121570049	Hà Vĩnh	Lộc	12/01/2003	59	Trung bình
17	3121570053	Trần Thị	Mai	25/01/2003	65	Khá
18	3121570055	Trần Vũ	Minh	28/04/2003	100	Xuất sắc
19	3121570063	Trương Thị Thanh	Ngân	30/12/2003	66	Khá
20	3121570065	Nguyễn Lê Phương	Nghi	15/04/2003	59	Trung bình
21	3121570067	Nguyễn Bích	Ngọc	07/01/2003	71	Khá
22	3121570069	Nguyễn Khôi	Nguyên	17/02/2003	62	Trung bình
23	3121570073	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	29/07/2003	82	Tốt
24	3121540091	Phạm Lê Thanh	Nhi	25/10/2003	72	Khá
25	3121570075	Vũ Công Thanh	Nhi	20/08/2003	73	Khá
26	3121570079	Trần Thị Quỳnh	Như	30/08/2003	77	Khá
27	3121570083	Nguyễn Phạm Huy	Phúc	23/12/2003	61	Trung bình
28	3121570087	Giáp Thị	Quỳnh	03/06/2003	68	Khá
29	3121570090	Đinh Trọng	Thái	27/12/2003	76	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Du lịch - K.21 - Lớp 1 (DDL1211)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121570092	Trương Thị Mỹ	Thảo	19/11/2003	62	Trung bình
31	3121570094	Nguyễn Song	Thùy	17/01/2003	80	Tốt
32	3121570101	Trần Thị Thanh	Trang	14/03/2003	67	Khá
33	3121570104	Trần Thị Bảo	Trân	10/08/2003	73	Khá
34	3121570107	Phạm Bích	Tuyền	22/12/2003	71	Khá
35	3121570109	Hoàng Thị Hồng	Vân	05/01/2002	73	Khá
36	3121570111	Nguyễn Thị Cẩm	Vi	03/01/2003	64	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có 36 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	2	5,6
Tốt	2	5,6
Khá	20	55,6
TB	11	30,6
Yếu	0	0,0
Kém	1	2,8

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Du lịch - K.21 - Lớp 2 (DDL1212)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121570009	Đặng Vũ Phương	Anh	30/04/2003	73	Khá
2	3121570011	Võ Thị Lan	Anh	02/11/2003	73	Khá
3	3121570018	Nguyễn Thị Kim	Chi	05/11/2003	61	Trung bình
4	3121570021	Tô Thị Thuý	Diễm	17/05/2003	72	Khá
5	3121570023	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	13/05/2003	63	Trung bình
6	3121570025	Nguyễn Yến Hiền	Duyên	23/09/2003	65	Khá
7	3121570027	K'	Đại	27/03/2003	76	Khá
8	3121570029	Nguyễn Tấn	Đạt	16/08/2003	84	Tốt
9	3121570032	Trần Tứ Hoàng	Đức	13/11/2003	75	Khá
10	3121570034	Hồ Gia	Hào	29/08/2003	61	Trung bình
11	3121570036	Nguyễn Lê	Hậu	16/02/2003	69	Khá
12	3121570038	Nguyễn Thị Thu	Hiền	29/01/2003	70	Khá
13	3121570040	Phạm Thị Yến	Hồng	17/09/2003	96	Xuất sắc
14	3121570044	Nguyễn Chí	Khải	01/04/2003	70	Khá
15	3121570051	Võ Thị	Lựu	15/07/2003	73	Khá
16	3121570006	Nguyễn Lê Ánh	Mai	03/07/2003	80	Tốt
17	3121570054	Huỳnh Đức	Minh	09/03/2003	76	Khá
18	3121570059	Trần Hải	Nam	16/01/2003	64	Trung bình
19	3121570064	Châu Trần Thảo	Nghi	19/09/2003	74	Khá
20	3121570066	Phan Trọng	Nghĩa	10/03/2003	86	Tốt
21	3121570068	Ngô Chí	Nguyên	24/08/2003	51	Trung bình
22	3121570072	Ngô Uyển	Nhi	21/07/2003	84	Tốt
23	3121570074	Trần Yến	Nhi	08/03/2003	60	Trung bình
24	3121570076	Lý Thị Hồng	Nhung	26/02/2003	63	Trung bình
25	3121570078	Nguyễn Trương Quỳnh	Như	22/03/2003	68	Khá
26	3121570002	Võ Ngọc Tâm	Như	19/06/2003	78	Khá
27	3121570082	Trần Thanh	Phong	02/07/2003	82	Tốt
28	3121570086	Bùi Diễm	Quỳnh	08/12/2003	74	Khá
29	3121570088	Đinh Ngọc	Tài	09/08/2002	64	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Du lịch - K.21 - Lớp 2 (DDL1212)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121570091	Phùng Thanh	Thảo	26/12/2003	61	Trung bình
31	3121570093	Trần Minh	Thuận	13/11/2002	83	Tốt
32	3121570095	Nguyễn Thị Phương	Thùy	26/11/2003	85	Tốt
33	3121570100	Dịp Khải	Toàn	25/11/2003	64	Trung bình
34	3121570103	Mai Ngọc	Trâm	26/02/2003	71	Khá
35	3121570105	Dương Gia	Tuệ	26/01/2003	66	Khá
36	3121570110	Đặng Lê Hải	Vi	04/09/2003	81	Tốt
37	3121570114	Nguyễn Hoàng Đan	Vy	15/01/2003	85	Tốt

Tổng cộng danh sách này có 37 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	1	2,7
Tốt	9	24,3
Khá	17	45,9
TB	10	27,0
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Du lịch - K.22 - Lớp 1 (DDL1221)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3122570001	Đặng Thị Minh	Anh	24/08/2004	68	Khá
2	3122570003	Hoàng Thị Minh	Anh	14/10/2003	74	Khá
3	3122570005	Văn Thị Quỳnh	Anh	22/08/2004	75	Khá
4	3122570007	Nguyễn Hà Ngọc	Ánh	01/10/2004	77	Khá
5	3122570009	Trần Quang	Bắc	09/11/2004	63	Trung bình
6	3122570011	Võ Nhật	Bồn	10/07/2004	62	Trung bình
7	3122570013	Nguyễn Thị	Chinh	26/03/2004	58	Trung bình
8	3122570015	Hồ Minh	Cường	15/06/2004	92	Xuất sắc
9	3122570017	Nguyễn Thị Ngọc	Diệu	02/02/2004	61	Trung bình
10	3122570020	Nguyễn Thị Duy	Dung	10/04/2004	71	Khá
11	3122570022	Châu Ngọc	Duyên	08/01/2004	61	Trung bình
12	3122570024	Nguyễn Thị Kiều	Duyên	03/12/2004	74	Khá
13	3122570026	Trần Thị Mỹ	Duyên	21/11/2004	65	Khá
14	3122570030	Phạm Văn	Đạt	27/05/2004	76	Khá
15	3122570033	Nguyễn Huỳnh	Đức	06/05/2004	69	Khá
16	3122570035	Quách Thị Ngọc	Giàu	28/07/2004	71	Khá
17	3122570038	Vũ Hồng	Hạnh	12/11/2004	58	Trung bình
18	3122570040	Nguyễn Thị Mỹ	Hân	10/09/2004	72	Khá
19	3122570043	Ngô Thị Hồng	Hoa	22/01/2004	64	Trung bình
20	3122570045	Khuru Mỹ	Hoàng	17/09/2004	78	Khá
21	3122570048	Trình Đại	Hùng	21/09/2004	58	Trung bình
22	3122570051	Trần Phát	Huy	03/06/2004	74	Khá
23	3122570054	Huỳnh Thị Kim	Hương	05/11/2004	71	Khá
24	3122570056	Nguyễn Thị Mai	Hương	22/03/2004	58	Trung bình
25	3122570058	Đoàn Nguyên	Khang	15/04/2004	87	Tốt
26	3122570060	Từ Thế	Kiệt	20/10/2003	69	Khá
27	3122570062	Hoàng Thị	Linh	03/02/2004	69	Khá
28	3122570066	Phạm Thị Bích	Loan	25/03/2004	82	Tốt
29	3122570070	Võ Phúc	Lộc	16/06/2004	63	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Du lịch - K.22 - Lớp 1 (DDL1221)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3122570073	Bá Nữ	Mùi	30/10/2004	83	Tốt
31	3122570077	Lê Thị Ngọc Kim	Ngân	18/02/2004	85	Tốt
32	3122570079	Lương Thị Hồng	Ngọc	28/11/2004	62	Trung bình
33	3122570082	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	22/01/2004	66	Khá
34	3122570084	Nguyễn Trọng	Nhân	13/04/2004	79	Khá
35	3122570086	Trang Võ Thảo	Nhi	03/09/2004	88	Tốt
36	3122570089	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	08/08/2004	55	Trung bình
37	3122570091	Trương Thị Hồng	Nhung	14/04/2003	63	Trung bình
38	3122570093	Lê Thị Hằng	Ni	04/11/2004	64	Trung bình
39	3122570095	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	13/04/2004	63	Trung bình
40	3122570097	Ngô Thị Kiều	Oanh	18/09/2004	65	Khá
41	3122570099	Lê Hoàng	Phú	06/07/2004	71	Khá
42	3122570101	Nguyễn Kim	Phụng	12/11/2004	65	Khá
43	3122570103	Huỳnh Ngọc Uyên	Phương	10/11/2004	69	Khá
44	3122570105	Trần Quang Minh	Phương	18/06/2004	71	Khá
45	3122570108	Nguyễn Kim	Quyên	19/04/2004	64	Trung bình
46	3122570110	Nguyễn Lê Ngọc	Quỳnh	22/03/2004	62	Trung bình
47	3122570113	Lê Thị Thuý	Sương	04/05/2004	71	Khá
48	3122570115	Bùi Minh	Tâm	25/10/2004	52	Trung bình
49	3122570117	Nguyễn Phạm Xuân	Thảo	06/07/2004	53	Trung bình
50	3122570119	Võ Thị	Thảo	10/05/2004	62	Trung bình
51	3122570121	Nguyễn Huỳnh Tiến	Thịnh	27/07/2004	76	Khá
52	3122570125	Trần Thị Kim	Thúy	07/06/2004	77	Khá
53	3122570127	Ka	Thư	27/12/2004	50	Trung bình
54	3122570129	Huỳnh Anh	Thy	09/02/2004	68	Khá
55	3122570131	Đỗ Thị Thùy	Trang	29/05/2004	70	Khá
56	3122570133	Phí Thu	Trang	17/12/2004	79	Khá
57	3122570135	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	21/07/2004	58	Trung bình
58	3122570138	Nguyễn Anh	Tú	04/06/2004	58	Trung bình
59	3122570140	Trần Quang	Tuấn	26/10/2004	66	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Du lịch - K.22 - Lớp 1 (DDL1221)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
60	3122570142	Lương Thị Hồng	Tươi	06/01/2004	84	Tốt
61	3122570144	Lê Viết	Văn	06/07/2004	78	Khá
62	3122570146	Nguyễn Thị Thủy	Vân	08/12/2004	60	Trung bình
63	3122570148	Ma	Vĩ	13/01/2004	73	Khá
64	3122570150	Trần Xuân	Võ	30/07/2004	65	Khá
65	3122570154	Nguyễn Ngọc Hoàng	Yến	11/01/2004	69	Khá

Tổng cộng danh sách này có 65 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	1	1,5
Tốt	6	9,2
Khá	34	52,3
TB	24	36,9
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Du lịch - K.22 - Lớp 2 (DDL1222)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3122570002	Đỗ Thị Vân	Anh	18/09/2004	73	Khá
2	3122570004	Nguyễn Huỳnh Nhựt	Anh	29/12/2004	71	Khá
3	3122570006	Võ Như Tuấn	Anh	20/10/2004	66	Khá
4	3122570008	Châu Gia	Bảo	09/04/2004	64	Trung bình
5	3122570010	Võ Thị	Bích	01/01/2004	61	Trung bình
6	3122570012	Trương Thị Hoài	Cang	06/09/2004	65	Khá
7	3122570014	Trương Xuân	Cúc	01/10/2004	70	Khá
8	3122570016	Nguyễn Thị Huyền	Diệu	24/11/2002	63	Trung bình
9	3122570018	Trang Thị	Diệu	26/06/2004	63	Trung bình
10	3122570021	Tường Tấn	Duy	21/10/2004	71	Khá
11	3122570023	Lê Thị Mỹ	Duyên	01/09/2004	66	Khá
12	3122570025	Phạm Thị	Duyên	15/10/2004	71	Khá
13	3122570027	Hứa Thành	Dương	19/08/2004	60	Trung bình
14	3122570029	Dương Văn	Đạt	05/12/2004	62	Trung bình
15	3122570032	Lâm Thục	Đoan	26/08/2004	73	Khá
16	3122570034	Đặng Thị Mỹ	Giàu	19/07/2004	82	Tốt
17	3122570036	Trần Thị	Hà	01/07/2004	58	Trung bình
18	3122570039	Khiêu Thị Ngọc	Hân	02/03/2004	66	Khá
19	3122570041	Vương Gia	Hân	04/06/2004	66	Khá
20	3122570044	Lâm Thái	Hòa	24/11/2004	71	Khá
21	3122570047	Trần Thị	Hồng	15/09/2004	68	Khá
22	3122570049	Phạm Thị	Huế	17/02/2004	69	Khá
23	3122570052	Hồ Khánh	Huyền	07/10/2004	65	Khá
24	3122570055	Nguyễn Thị Kim	Hương	18/04/2004	77	Khá
25	3122570057	Trần Quang	Khải	02/03/2004	69	Khá
26	3122570059	Đình Anh	Kiệt	18/01/2004	63	Trung bình
27	3122570061	Võ Nguyễn Thiên	Kim	27/06/2004	66	Khá
28	3122570063	K'	Linh	19/05/2004	79	Khá
29	3122570065	Nguyễn Võ Cẩm	Loan	25/03/2004	67	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Du lịch - K.22 - Lớp 2 (DDL1222)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3122570069	Đào Hoàng	Long	15/02/2004	58	Trung bình
31	3122570071	Vương Triệu	Mẫn	17/05/2004	63	Trung bình
32	3122570076	Lê Thị Bích	Ngân	11/12/2004	71	Khá
33	3122570078	Nguyễn Thị Thủy	Ngân	07/01/2004	78	Khá
34	3122570080	Lý Hoài	Ngọc	11/05/2004	77	Khá
35	3122570083	Trần Nguyễn Nhã	Nhạc	02/09/2004	75	Khá
36	3122570085	Dương Thị Bảo	Nhi	29/10/2004	65	Khá
37	3122570088	Lê Thị Hồng	Nhu	25/03/2004	77	Khá
38	3122570090	Nguyễn Tuyết	Nhung	20/02/2004	69	Khá
39	3122570092	Phạm Thị Huỳnh	Như	13/11/2004	68	Khá
40	3122570094	Võ Thị Hằng	Ni	03/09/2002	55	Trung bình
41	3122570096	Lê Thị Yến	Oanh	02/10/2004	71	Khá
42	3122570098	Trần Thị Lâm	Oanh	18/08/2004	64	Trung bình
43	3122570100	Đỗ Hoàng	Phúc	17/01/2003	66	Khá
44	3122570102	Nguyễn Thanh	Phước	19/04/2004	61	Trung bình
45	3122570104	Nguyễn Mai	Phương	13/07/2000	51	Trung bình
46	3122570107	Nguyễn Nhật	Quy	10/10/2004	66	Khá
47	3122570109	Trần Bích Phượng	Quyên	17/02/2004	61	Trung bình
48	3122570111	Phạm Thị Như	Quỳnh	12/07/2004	71	Khá
49	3122570114	Võ Tấn	Tài	18/01/2004	64	Trung bình
50	3122570116	Đào Khoa Đăng	Tâm	25/11/2003	68	Khá
51	3122570118	Trần Lê Kim	Thảo	24/03/2004	90	Xuất sắc
52	3122570120	Huỳnh Nguyễn Thanh	Thiên	05/11/2004	79	Khá
53	3122570124	Huỳnh Thị Thanh	Thùy	16/09/2004	58	Trung bình
54	3122570126	Biện Nguyễn Anh	Thư	28/04/2004	66	Khá
55	3122570128	Tạ Ngọc Anh	Thư	15/11/2003	72	Khá
56	3122570130	Nguyễn Thị Thuý	Tiên	02/07/2004	71	Khá
57	3122570132	Nguyễn Thị Thuý	Trang	01/04/2004	63	Trung bình
58	3122570134	Huỳnh Trần Bảo	Trâm	06/10/2004	74	Khá
59	3122570137	Cao Thanh	Trung	22/10/2004	70	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Du lịch - K.22 - Lớp 2 (DDL1222)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
60	3122570139	Bùi Hữu	Tuấn	02/03/2004	61	Trung bình
61	3122570141	Nguyễn Thị Mỹ	Tuyền	30/10/2004	73	Khá
62	3122570143	Đỗ Đức	Uy	04/02/2004	61	Trung bình
63	3122570145	Ngô Thị	Vân	08/08/2004	70	Khá
64	3122570147	Lưu Nguyễn Yến	Vi	30/05/2004	69	Khá
65	3122570149	Lê Hoàng	Vinh	05/05/2004	90	Xuất sắc
66	3122570152	Trần Giang Hạ	Vy	16/03/2004	69	Khá
67	3122570155	Trần Thanh Bảo	Yến	25/08/2004	61	Trung bình
68	3122570156	Từ Tiểu	Yến	29/09/2004	79	Khá

Tổng cộng danh sách này có 68 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	2	2,9
Tốt	1	1,5
Khá	44	64,7
TB	21	30,9
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Quốc tế học - K.19 - Lớp 1 (DQT1191)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119540005	Nguyễn Hoàng Thái	Anh	16/08/2001	0	Kém
2	3119540009	Trương Lâm Quỳnh	Anh	06/07/2001	64	Trung bình
3	3119540013	Cao Thục	Chinh	01/06/2001	67	Khá
4	3119540016	Bùi Thị Dung	Dung	28/07/2001	59	Trung bình
5	3118540021	Nguyễn Thùy	Duyên	01/01/2000	68	Khá
6	3118540022	Trần Thị Mỹ	Duyên	29/10/1999	56	Trung bình
7	3118540023	Võ Nhật Kỳ	Duyên	07/09/2000	59	Trung bình
8	3119540022	Hà Hải	Đăng	01/11/2001	51	Trung bình
9	3119540026	Trương Tài	Đức	29/12/2000	53	Trung bình
10	3119540029	Lê Thị Thúy	Hân	06/09/2001	82	Tốt
11	3119540032	Huỳnh Gia	Hiếu	10/11/2001	73	Khá
12	3119540036	Trần Thị Hồng	Huệ	09/10/2001	74	Khá
13	3119540040	Nguyễn Hoa Gia	Huy	09/09/2001	59	Trung bình
14	3118540046	Phạm Phùng Lan	Hương	15/05/2000	61	Trung bình
15	3119540046	Nguyễn Ngọc Vân	Khanh	30/09/2001	63	Trung bình
16	3119540049	Nguyễn Tấn	Khoa	21/08/2001	85	Tốt
17	3119540057	Nguyễn Khánh	Linh	09/12/2001	67	Khá
18	3119540064	Bùi Cẩm	Ly	19/02/2001	64	Trung bình
19	3119540069	Nguyễn Thị Thái	Mây	13/07/2001	81	Tốt
20	3119540072	Đỗ Trà	My	20/12/2001	63	Trung bình
21	3119540077	Bùi Thị	Ngân	30/04/2001	78	Khá
22	3119540081	Nguyễn Hà Bảo	Ngân	19/06/2001	64	Trung bình
23	3119540084	Quách Hà Gia	Ngân	23/04/2001	81	Tốt
24	3119540088	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	03/06/2001	61	Trung bình
25	3118540078	Lại Thị Xuân	Nguyên	29/11/2000	64	Trung bình
26	3119540095	Nguyễn Thị	Nhân	28/02/2001	69	Khá
27	3119540098	Huỳnh Yến	Nhi	16/10/2001	80	Tốt
28	3119540101	Nguyễn Thị Yến	Nhi	01/09/2001	69	Khá
29	3119540107	Lê Quang	Nhật	24/01/2001	66	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Quốc tế học - K.19 - Lớp 1 (DQT1191)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3119540111	Trần Kim	Phụng	08/12/2001	68	Khá
31	3119540114	Sên Lương Lê	Phương	16/12/2001	59	Trung bình
32	3119540117	Võ Thị Kim	Quyên	30/07/2001	62	Trung bình
33	3119540120	Phạm Diễm	Quỳnh	21/03/2001	68	Khá
34	3119540127	Nguyễn Thị Ngọc	Thạch	12/10/2001	72	Khá
35	3119540130	Trần Thị Ngọc	Thanh	30/10/2001	71	Khá
36	3119540133	Nguyễn Hoài	Thành	16/04/2001	58	Trung bình
37	3119540136	Đào Thị	Thắm	25/06/2001	62	Trung bình
38	3119540139	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	02/05/2001	69	Khá
39	3119540143	Hồ Gia	Tín	21/04/2001	52	Trung bình
40	3119540148	Hồ Anh	Trâm	29/10/2001	65	Khá
41	3119540151	Nguyễn Ngọc Đoan	Trình	30/10/2001	60	Trung bình
42	3119540154	Trương Thị Ngọc	Trình	15/10/2001	71	Khá
43	3119540158	Lê Thanh	Trúc	21/07/2001	59	Trung bình
44	3119540161	Hồ Quốc	Tú	05/02/2001	52	Trung bình
45	3118540138	Lê Thị Cẩm	Tú	05/06/2000	74	Khá
46	3119540165	Bùi Ngọc Diễm	Uyên	24/04/2001	52	Trung bình
47	3119540170	Trần Võ Tường	Vi	08/09/2001	62	Trung bình
48	3119540173	Lê Thị Huyền	Vy	23/05/2001	62	Trung bình
49	3119540176	Trần Lê	Vy	19/01/2001	71	Khá
50	3119540179	Bùi Hoàng Thiên	Ý	26/12/2001	59	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Quốc tế học - K.19 - Lớp 1 (DQT1191)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 50 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	5	10,0
Khá	18	36,0
TB	26	52,0
Yếu	0	0,0
Kém	1	2,0

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Quốc tế học - K.19 - Lớp 2 (DQT1192)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119540003	Diêu Thị Trung	Anh	24/10/2001	60	Trung bình
2	3119540006	Nguyễn Vũ Vân	Anh	09/02/2001	67	Khá
3	3119540014	Lê Ngô Thúy	Cúc	06/05/2001	67	Khá
4	3119540017	Trần Mỹ	Dung	03/10/2001	58	Trung bình
5	3119540024	Đinh Thị Minh	Điệp	17/04/2001	66	Khá
6	3119540027	H' Lisa	Êban	27/06/2001	66	Khá
7	3119540037	Nguyễn Quốc	Hùng	15/03/2001	55	Trung bình
8	3119540041	Nguyễn Trọng Đăng	Huy	01/10/2001	58	Trung bình
9	3119540050	Trần Thụy Ánh	Khương	19/04/2001	73	Khá
10	3119540053	Đỗ Khánh	Linh	12/04/2001	69	Khá
11	3119540062	Nguyễn Bảo	Lộc	01/02/2001	58	Trung bình
12	3119540065	Nguyễn Thị Hương	Ly	28/01/2001	86	Tốt
13	3119540070	Nhâm Hoàng	Minh	07/02/2001	58	Trung bình
14	3119540082	Nguyễn Thị Kim	Ngân	12/11/2001	70	Khá
15	3119540096	Trần Cao	Nhân	23/09/2001	65	Khá
16	3119540099	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	28/02/2001	68	Khá
17	3119540102	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	08/10/2001	68	Khá
18	3119540105	Nguyễn Phạm Quỳnh	Như	28/09/2001	69	Khá
19	3119540112	Trần Tiểu	Phụng	19/01/2001	69	Khá
20	3119540118	Nguyễn Bảo	Quỳnh	19/08/2001	71	Khá
21	3119540122	Trần Nguyễn Văn	Quỳnh	05/10/2001	68	Khá
22	3119540125	Huỳnh Thanh	Tâm	14/12/2001	68	Khá
23	3119540128	Bùi Lê Ngọc	Thanh	07/10/2001	69	Khá
24	3119540131	Trần Thiên	Thanh	08/09/2001	63	Trung bình
25	3119540134	Trần Khoa	Thành	06/04/2001	68	Khá
26	3119540137	Tô Hoàng Mỹ	Thuận	03/12/2001	67	Khá
27	3119540140	Lâm Anh	Thư	07/12/2001	58	Trung bình
28	3119540146	Bùi Nguyên Huyền	Trâm	12/06/2001	63	Trung bình
29	3119540149	Lương Hồ Hạ	Trân	01/06/2001	54	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Quốc tế học - K.19 - Lớp 2 (DQT1192)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3119540152	Phạm Ngọc Tuyết	Trình	11/07/2001	50	Trung bình
31	3119540155	Trương Thị Ngọc	Trình	30/08/2001	76	Khá
32	3119540159	Nguyễn Lê Tiên	Trúc	11/10/2001	69	Khá
33	3119540162	Nguyễn Ngọc Thanh	Tuyền	27/06/2001	66	Khá
34	3119540166	Nguyễn Thu	Uyên	09/11/2001	84	Tốt
35	3119540171	Trần Phúc	Vương	05/01/2001	58	Trung bình
36	3119540174	Nguyễn Lê Tường	Vy	04/04/2001	64	Trung bình
37	3119540177	Trịnh An Thảo	Vy	04/12/2001	70	Khá
38	3119540181	Nguyễn Trọng Hải	Yến	22/11/2001	61	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có 38 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	2	5,3
Khá	22	57,9
TB	14	36,8
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Quốc tế học - K.19 - Lớp 3 (DQT1193)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119540004	Mai Thị Phương	Anh	21/01/2001	61	Trung bình
2	3119540008	Trần Phan Hoàng	Anh	08/11/2001	68	Khá
3	3119540012	Lê Kim	Bình	10/05/2001	58	Trung bình
4	3119540015	Thái Bảo Nguyên	Du	31/10/2001	67	Khá
5	3119540019	Trần Thị Mỹ	Duyên	12/01/2001	74	Khá
6	3119540025	Nguyễn Nhật	Đông	12/06/2001	55	Trung bình
7	3119540028	Đặng Thị	Hạnh	12/01/2001	79	Khá
8	3119540031	Nguyễn Lê Minh	Hiền	02/10/2000	58	Trung bình
9	3119540042	Tô Mỹ	Huỳnh	08/08/2001	63	Trung bình
10	3119540045	Nguyễn Thị	Hường	02/08/2001	83	Tốt
11	3119540048	Nguyễn Phạm Bảo	Khánh	31/10/2001	68	Khá
12	3119540051	Nguyễn Ngọc	Kim	17/01/2001	55	Trung bình
13	3119540054	Lê Bùi Mỹ	Linh	22/06/2001	70	Khá
14	3119540060	Dương Nguyễn Phương	Loan	06/08/2001	61	Trung bình
15	3119540063	Nguyễn Cửu	Luân	19/12/2001	67	Khá
16	3119540067	Vũ Thị Ngọc	Mai	09/10/2001	75	Khá
17	3119540071	Đỗ Thị Trà	My	16/05/2001	58	Trung bình
18	3119540076	Vũ Hữu	Ngân	04/06/2001	80	Tốt
19	3119540079	Đinh Ngọc Kim	Ngân	22/08/2001	58	Trung bình
20	3119540083	Nguyễn Thùy Hoàng	Ngân	28/12/2001	55	Trung bình
21	3119540086	Nguyễn Bích	Ngọc	25/09/2001	58	Trung bình
22	3119540093	Mạch Thế	Nguyên	18/12/2001	63	Trung bình
23	3119540097	Huỳnh Thị Quỳnh	Nhi	29/03/2001	65	Khá
24	3119540100	Nguyễn Song	Nhi	11/12/2001	74	Khá
25	3119540103	Võ Hoàng Cẩm	Nhung	17/01/2001	62	Trung bình
26	3119540106	Phạm Nguyễn Tâm	Như	30/08/2000	58	Trung bình
27	3119540110	Bùi Thị Mỹ	Phụng	28/07/2001	73	Khá
28	3119540116	Nguyễn Hà Hoàng	Quân	06/08/2001	51	Trung bình
29	3119540119	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	27/08/2001	76	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Quốc tế học - K.19 - Lớp 3 (DQT1193)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3119540123	Hồ Thị Thu Sương	07/01/2001	58	Trung bình
31	3119540126	Trần Quốc Tân	20/03/2001	55	Trung bình
32	3119540129	Đoàn Văn Thanh	15/07/2001	58	Trung bình
33	3119540135	Dương Phương Thảo	31/05/2001	58	Trung bình
34	3119540138	Lê Thị Thanh Thúy	01/08/2001	74	Khá
35	3119540141	Nguyễn Bảo Ngọc Thương	26/05/1998	58	Trung bình
36	3119540147	Dương Nguyễn Ngọc Trâm	23/08/2001	61	Trung bình
37	3119540150	Trần Thụy Minh Trân	15/03/2001	61	Trung bình
38	3119540163	Nguyễn Thanh Tuyền	03/01/2001	68	Khá
39	3119540168	Nguyễn Tuyết Vân	30/11/2001	55	Trung bình
40	3119540172	Lê Kiều Vy	26/09/2001	58	Trung bình
41	3119540175	Nguyễn Ngọc Khánh Vy	24/07/2001	68	Khá
42	3119540182	Phạm Thị Hoàng Yến	13/06/2001	66	Khá

Tổng cộng danh sách này có 42 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	2	4,8
Khá	16	38,1
TB	24	57,1
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

TS. Võ Văn Thập



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Quốc tế học - K.20 - Lớp 1 (DQT1201)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120540030	Hà Đăng Khả	Ái	18/09/2002	67	Khá
2	3120540033	Lê Thị Quỳnh	Anh	05/10/2002	67	Khá
3	3120540036	Nguyễn Minh	Anh	14/11/2002	71	Khá
4	3120540039	Tạ Thị Vân	Ánh	09/03/2002	72	Khá
5	3120540042	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	26/05/2001	79	Khá
6	3120540045	Nguyễn Hoàng Minh	Châu	14/03/2002	91	Xuất sắc
7	3120540048	Trịnh Phương	Dung	24/04/2002	88	Tốt
8	3120540051	Nguyễn Bình Phương	Duyên	21/09/2002	98	Xuất sắc
9	3120540054	Lê Hà Khánh	Đoan	29/01/2002	74	Khá
10	3120540057	Nguyễn Thụy Trúc	Giang	27/06/2002	67	Khá
11	3120540007	Nguyễn Lê Thanh	Hằng	17/10/2002	70	Khá
12	3120540062	Lê Ngọc	Hân	21/10/2002	73	Khá
13	3120540065	Nguyễn Trương Bảo	Hân	03/12/2002	86	Tốt
14	3120540069	Trần Minh	Hoàng	25/06/2002	70	Khá
15	3120540072	Võ Nguyễn	Huy	01/08/2002	71	Khá
16	3120540076	Nguyễn Duy	Khánh	15/09/2002	83	Tốt
17	3120540080	Lê Hoàn	Kim	06/02/2002	65	Khá
18	3120540084	Nguyễn Bùi Mai	Linh	24/12/2002	67	Khá
19	3119540061	Lê Hoàng	Long	21/07/2000	64	Trung bình
20	3120540087	Bùi Thị Quý	Lộc	27/02/2002	72	Khá
21	3120540090	Vũ Cát	Minh	04/12/2002	95	Xuất sắc
22	3120540098	Lê Thanh	Ngân	02/05/2002	86	Tốt
23	3120540013	Ngô Lê Tuệ	Nghi	22/10/2002	96	Xuất sắc
24	3120540101	Phạm Nguyễn Vân	Nghi	10/05/2002	82	Tốt
25	3120540107	Phạm Thị Minh	Nguyệt	16/09/2002	69	Khá
26	3120540111	Mai Tâm	Nhi	10/12/2002	85	Tốt
27	3120540114	Đào Thụy Tuyết	Nhung	27/07/2002	86	Tốt
28	3120540117	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	13/03/2002	82	Tốt
29	3120540121	Trà Tấn	Phát	27/07/2002	68	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Quốc tế học - K.20 - Lớp 1 (DQT1201)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3120540129	Lê Thị Thu	Phuong	10/09/2002	72	Khá
31	3120540016	Nguyễn Thu	Phuong	06/12/2002	68	Khá
32	3119540115	Võ Hữu	Phuong	29/01/2001	0	Kém
33	3120540132	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	18/10/2002	92	Xuất sắc
34	3120540137	Nguyễn Thị Lan	Tâm	01/03/2002	69	Khá
35	3120540140	Võ Thành	Thái	17/10/2002	65	Khá
36	3120540143	Trần Ngọc	Thành	16/07/2002	77	Khá
37	3120540023	Đoàn Thị Thu	Thảo	15/08/2002	78	Khá
38	3120540146	Huỳnh Ngọc Linh	Thi	16/06/2002	78	Khá
39	3120540149	Trần Nguyễn Đạt	Thịnh	30/08/2002	82	Tốt
40	3120540154	Phạm Thị Thanh	Thúy	27/11/2002	71	Khá
41	3120540157	Nguyễn Lê Anh	Thư	19/12/2002	74	Khá
42	3120540164	Trần Ngọc	Toàn	19/10/2002	73	Khá
43	3120540167	Nguyễn Ngọc Đoan	Trang	17/04/2002	93	Xuất sắc
44	3120540171	Đặng Huỳnh Bảo	Trâm	25/11/2002	88	Tốt
45	3120540175	Trịnh Ngọc Bảo	Trân	06/11/2002	68	Khá
46	3120540179	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	20/11/2002	68	Khá
47	3120540182	Bạch Gia	Trường	18/05/2002	68	Khá
48	3120540189	Thang Kiến	Tường	03/09/2002	68	Khá
49	3120540192	Hồ Thảo	Vi	27/04/2002	71	Khá
50	3120540195	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	03/09/2002	84	Tốt



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Quốc tế học - K.20 - Lớp 1 (DQT1201)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 50 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	6	12,0
Tốt	11	22,0
Khá	31	62,0
TB	1	2,0
Yếu	0	0,0
Kém	1	2,0

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Quốc tế học - K.20 - Lớp 2 (DQT1202)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120540031	Hà Trâm	Anh	06/07/2002	68	Khá
2	3120540034	Lương Hồng Minh	Anh	23/08/2002	93	Xuất sắc
3	3120540037	Phạm Thị Lan	Anh	26/01/2002	90	Xuất sắc
4	3120540040	Vũ Phụng Phương	Ánh	30/05/2002	66	Khá
5	3120540043	Trần Thị Hồng	Cầm	14/11/2002	77	Khá
6	3120540046	Nguyễn Thị Minh	Châu	27/04/2002	93	Xuất sắc
7	3120540049	Phạm Thanh	Duy	25/12/2002	78	Khá
8	3120540052	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	05/06/2002	79	Khá
9	3120540055	Nguyễn Huỳnh Khánh	Đoan	24/07/2002	63	Trung bình
10	3120540060	Nguyễn Thị Thủy	Hằng	27/08/2002	80	Tốt
11	3120540063	Lý Gia	Hân	26/02/2002	72	Khá
12	3120540070	Đào Xuân	Huy	08/08/2002	57	Trung bình
13	3120540073	Trần Thị Bích	Huyền	10/09/2002	65	Khá
14	3120540010	Lương Thị	Lâm	23/08/2001	67	Khá
15	3120540082	Bùi Duy	Linh	24/11/2001	0	Kém
16	3120540085	Nguyễn Đào Gia	Linh	07/11/2002	73	Khá
17	3120540092	Nguyễn Lê Thảo	My	27/10/2002	88	Tốt
18	3120540096	Nông Thị Kiều	Nga	22/08/2002	72	Khá
19	3120540099	Trần Ngọc Yến	Ngân	29/08/2002	71	Khá
20	3120540102	Đoàn Kim	Ngọc	13/03/2002	71	Khá
21	3120540105	Bùi Thảo	Nguyên	09/03/2002	65	Khá
22	3120540014	Hồ Nguyễn Trọng	Nhân	03/02/2002	65	Khá
23	3120540108	Huỳnh Chan Tinh	Nhi	13/02/2001	73	Khá
24	3120540112	Tăng Uyên	Nhi	16/08/2002	78	Khá
25	3120540115	Lương Lâm Quỳnh	Như	08/02/2002	70	Khá
26	3120540118	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	15/04/2002	68	Khá
27	3120540122	Nguyễn Hoàng	Phi	24/12/2002	75	Khá
28	3120540127	Hoàng Thị	Phương	11/01/2002	71	Khá
29	3120540130	Ngô Thị Kim	Phụng	30/09/2002	68	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Quốc tế học - K.20 - Lớp 2 (DQT1202)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3120540018	Lê Hoàng	Quân	31/01/2002	68	Khá
31	3120540133	Nguyễn Thị Nhật	Quỳnh	01/11/2002	78	Khá
32	3120540138	Trần Thị Mỹ	Tâm	22/10/2002	93	Xuất sắc
33	3120540141	Vũ Thị Kim	Thanh	02/04/2002	52	Trung bình
34	3120540144	Nghiêm Thị Phương	Thảo	07/04/2002	71	Khá
35	3120540147	Lê Kim	Thị	18/11/2002	82	Tốt
36	3120540150	Nguyễn Hữu	Thọ	29/04/2002	81	Tốt
37	3120540155	Đào Mai Anh	Thư	05/04/2002	90	Xuất sắc
38	3120540158	Trần Hoàng Anh	Thư	21/05/2002	71	Khá
39	3120540162	Trịnh Phùng Thủy	Tiên	10/09/2002	75	Khá
40	3120540165	Hồ Vương Thủy	Trang	01/10/2002	74	Khá
41	3120540168	Phạm Thị Đoan	Trang	26/08/2002	70	Khá
42	3120540172	Lê Ngọc Bảo	Trân	10/01/2002	67	Khá
43	3120540027	Nguyễn Thị Phương	Trinh	27/02/2002	73	Khá
44	3120540177	Đỗ Thanh	Trúc	16/06/2002	72	Khá
45	3120540183	Nguyễn Quỳnh Cẩm	Tú	04/02/2002	71	Khá
46	3120540190	Đặng Phương	Uyên	01/10/2002	85	Tốt
47	3120540196	Nguyễn Ngọc Thúy	Vy	28/06/2002	78	Khá
48	3120540198	Trần Phan Hạnh	Vy	04/11/2002	80	Tốt

Tổng cộng danh sách này có 48 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	5	10,4
Tốt	6	12,5
Khá	33	68,8
TB	3	6,3
Yếu	0	0,0
Kém	1	2,1

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Quốc tế học - K.20 - Lớp 3 (DQT1203)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120540032	Lê Huỳnh	Anh	06/12/2002	69	Khá
2	3120540035	Mai Trần Phương	Anh	26/10/2002	61	Trung bình
3	3120540038	Đào Thị Ngọc	Ánh	20/01/2002	71	Khá
4	3120540041	Nguyễn Gia	Bảo	19/08/2002	71	Khá
5	3120540047	Huỳnh Nguyễn Khả	Doanh	09/12/2002	93	Xuất sắc
6	3120540050	Phan Đình	Duy	09/12/2002	68	Khá
7	3120540053	Lâm Lin	Đa	12/03/2002	88	Tốt
8	3120540056	Lương Thị Hương	Giang	09/11/2002	69	Khá
9	3120540061	Trần Thúy	Hằng	15/01/2002	66	Khá
10	3120540064	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	25/04/2002	69	Khá
11	3120540067	Nguyễn Đức Thúy	Hiền	27/03/2002	77	Khá
12	3120540071	Phan Thanh	Huy	07/05/2002	63	Trung bình
13	3120540075	Ngô Trà	Khanh	16/05/2002	99	Xuất sắc
14	3120540079	Lê Bảo	Khuyên	19/11/2002	74	Khá
15	3120540083	Huỳnh Ái	Linh	09/06/2002	83	Tốt
16	3120540011	Ngô Ngọc Hoàng	Linh	01/10/2002	72	Khá
17	3120540086	Phạm Ngọc	Loan	22/03/2002	72	Khá
18	3120540089	Lê Trần Tuyết	Mai	03/10/2002	61	Trung bình
19	3120540093	Phạm Gia	Mỹ	16/05/2001	76	Khá
20	3120540097	Đặng Thị Phương	Ngân	22/07/2002	74	Khá
21	3120540103	Hà Minh Nguyên	Ngọc	23/12/2002	65	Khá
22	3120540106	Lê Thị Hoa	Nguyệt	27/04/2002	71	Khá
23	3120540109	Lê Thị Phương	Nhi	13/01/2002	63	Trung bình
24	3120540113	Trần Yến	Nhi	07/03/2002	74	Khá
25	3120540116	Nguyễn Huỳnh	Như	12/04/2002	69	Khá
26	3120540128	Huỳnh Nguyễn Nam	Phương	05/11/2002	83	Tốt
27	3120540015	Lê Thị Minh	Phương	28/10/1997	68	Khá
28	3120540131	Bùi Như	Quỳnh	20/03/2002	84	Tốt
29	3120540021	Phạm Nguyễn Hương	Quỳnh	21/07/2002	78	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Quốc tế học - K.20 - Lớp 3 (DQT1203)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3120540139	Nguyễn Thị Quỳnh	Tân	06/06/2001	71	Khá
31	3120540142	Nguyễn Bá	Thành	02/05/2002	67	Khá
32	3120540148	Lương Nguyễn Anh	Thị	23/01/2002	84	Tốt
33	3120540151	Mai Bùi Anh	Thơ	20/02/2002	89	Tốt
34	3120540156	Hồ Thị Minh	Thư	11/01/2002	74	Khá
35	3120540159	Nguyễn Hoài	Thương	25/02/2002	87	Tốt
36	3120540163	Trần Hoàng Minh	Tiến	30/01/2002	0	Kém
37	3120540169	Trần Thị Thùy	Trang	14/12/2002	76	Khá
38	3120540174	Trần Thị Ngọc	Trân	14/09/2002	71	Khá
39	3120540178	Hoàng Đan	Trúc	03/05/2002	71	Khá
40	3120540188	Trương Ngọc	Tuyền	14/06/2002	60	Trung bình
41	3120540191	Đào Khánh	Vân	27/12/2002	71	Khá
42	3120540194	Đinh Hải	Vy	09/04/2002	67	Khá
43	3120540197	Nguyễn Triệu	Vy	08/09/2002	73	Khá
44	3120540199	Trần Hoàng Hải	Yến	20/06/2002	75	Khá

Tổng cộng danh sách này có 44 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	2	4,5
Tốt	7	15,9
Khá	29	65,9
TB	5	11,4
Yếu	0	0,0
Kém	1	2,3

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Quốc tế học - K.21 - Lớp 1 (DQT1211)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121540013	Đỗ Minh	Anh	16/11/2003	85	Tốt
2	3121540016	Đỗ Lê Khánh	Ân	31/10/2003	55	Trung bình
3	3121540001	Lê	Bình	22/01/2003	55	Trung bình
4	3121540019	Bùi Thị Thúy	Cầm	26/08/2003	96	Xuất sắc
5	3121540024	Cao Nguyễn Hạnh	Dung	22/07/2003	100	Xuất sắc
6	3121540027	La Ngọc	Duyên	21/06/2003	55	Trung bình
7	3121540030	Phạm Khánh	Đoan	08/05/2003	67	Khá
8	3121540033	Trần Thị Ngọc	Giàu	28/01/2003	87	Tốt
9	3121540036	Nguyễn Thị Thu	Hà	23/01/2003	65	Khá
10	3121540041	Nguyễn Phan Phương	Hân	07/06/2003	65	Khá
11	3121540045	Nguyễn Phan Hoàn	Huy	08/05/2003	0	Kém
12	3121540049	Nguyễn Thụy Vân	Khánh	03/12/2003	96	Xuất sắc
13	3121540052	Trương Vĩ	Kiệt	09/04/2003	87	Tốt
14	3121540055	Nguyễn Phương	Lê	15/11/2003	67	Khá
15	3121540062	Châu Ngọc Xuân	Loan	20/09/2003	67	Khá
16	3121540065	Ngô Ngọc Xuân	Mai	22/04/2003	60	Trung bình
17	3121540068	Lý Khánh Nhật	Minh	07/06/2003	67	Khá
18	3121540004	Lê Quý Hoàn	Mỹ	06/05/2003	96	Xuất sắc
19	3121540072	Chế Thị Kim	Ngân	24/10/2003	51	Trung bình
20	3121540082	Lê Thị Thái	Nguyên	17/05/2003	59	Trung bình
21	3121540085	Nguyễn Thị Thiện	Nhàn	28/11/2003	96	Xuất sắc
22	3121540092	Trần Yến	Nhi	06/07/2002	67	Khá
23	3121540095	Tô Thị Hồng	Nhung	16/02/2003	75	Khá
24	3121540098	Mai Quỳnh	Như	01/09/2003	69	Khá
25	3121540101	Lại Gia	Phi	25/09/2003	91	Xuất sắc
26	3121540104	Vũ Mai	Phương	15/08/2003	72	Khá
27	3121540109	Nguyễn Thanh	Quỳnh	20/06/2003	77	Khá
28	3121540112	Nguyễn Gia Phúc Bảo	Quỳnh	03/06/2003	73	Khá
29	3121540115	Phạm Thị Như	Quỳnh	30/07/2003	69	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Quốc tế học - K.21 - Lớp 1 (DQT1211)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121540118	Huỳnh Gia	Thanh	26/05/2003	0	Kém
31	3121540128	Diệp Minh	Thùy	23/03/2003	79	Khá
32	3121540131	Phan Thái Thanh	Thùy	24/09/2003	63	Trung bình
33	3121540135	Phạm Thị Minh	Thư	14/08/2003	69	Khá
34	3121540010	Trương Đào Minh	Thư	02/11/2003	65	Khá
35	3121540141	Lê Ngọc	Trâm	05/04/2003	67	Khá
36	3121540144	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	06/01/2003	68	Khá
37	3121540150	Dương Phương	Trình	12/04/2003	65	Khá
38	3121540153	Hoàng Ngọc Cẩm	Tú	16/04/2003	68	Khá
39	3121540156	Phan Thị Ngọc	Uyên	13/08/2003	61	Trung bình
40	3121540163	Lê Thanh Nhật	Vy	01/01/2003	65	Khá
41	3121540167	Phan Nguyễn Tường	Vy	05/08/2003	65	Khá

Tổng cộng danh sách này có 41 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	6	14,6
Tốt	3	7,3
Khá	22	53,7
TB	8	19,5
Yếu	0	0,0
Kém	2	4,9

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Quốc tế học - K.21 - Lớp 2 (DQT1212)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121540011	Trần Tăng Minh	An	03/08/2003	64	Trung bình
2	3121540014	Lê Phạm Nguyên	Anh	05/04/2003	62	Trung bình
3	3121540017	Tô Nguyễn Xuyên	Bách	20/12/2003	60	Trung bình
4	3121540020	Châu Ngọc Thùy	Châu	04/11/2003	62	Trung bình
5	3121540025	Cao Trí	Dũng	09/12/2003	63	Trung bình
6	3121540028	Nguyễn Kỳ	Duyên	27/05/2003	61	Trung bình
7	3121540002	Nguyễn Đức	Đạt	16/01/2003	100	Xuất sắc
8	3121540031	Huỳnh Kim	Đức	25/11/2003	71	Khá
9	3121540034	Lưu Thị Kim	Giang	12/07/2003	69	Khá
10	3121540038	Đỗ Nhật	Hào	01/10/2003	79	Khá
11	3121540043	Trần Huỳnh Minh	Hiếu	14/05/2003	72	Khá
12	3121540047	Nguyễn Quốc	Khải	13/03/2003	65	Khá
13	3121540050	Nguyễn Tự	Khôi	25/10/2003	72	Khá
14	3121540053	Nguyễn Thị Thu	Kiều	10/05/2001	72	Khá
15	3121540056	Bùi Hoàng Ngọc	Linh	14/01/2003	72	Khá
16	3121540060	Nguyễn Khánh	Linh	02/11/2003	78	Khá
17	3121540063	Võ Thị Hồng	Loan	15/05/2003	68	Khá
18	3121540066	Nguyễn Thị	Mai	21/10/2003	58	Trung bình
19	3121540008	Nguyễn Thị Phương	Nam	29/11/2003	91	Xuất sắc
20	3121540074	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	13/04/2003	70	Khá
21	3121540077	Huỳnh Mỹ	Nghi	12/05/2003	0	Kém
22	3121540080	Nguyễn Trương Mỹ	Ngọc	04/03/2003	66	Khá
23	3121540083	Phan Ngọc Linh	Nguyên	29/08/2003	63	Trung bình
24	3121540086	Đào Thanh	Nhân	15/03/2003	0	Kém
25	3121540090	Nguyễn Bùi Xuân	Nhi	10/11/2003	77	Khá
26	3121540093	Trần Mỹ	Nhiên	07/09/2003	74	Khá
27	3121540096	Vy Thị Cẩm	Nhung	01/01/2003	72	Khá
28	3121540099	Nguyễn Ngọc Khánh	Như	08/06/2003	63	Trung bình
29	3121540102	Phạm Thu	Phương	17/06/2003	70	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Quốc tế học - K.21 - Lớp 2 (DQT1212)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121540105	Phạm Thị Ngọc	Phượng	24/12/2003	76	Khá
31	3121540113	Nguyễn Ngọc Xuân	Quỳnh	19/12/2003	60	Trung bình
32	3121540116	Nguyễn Ngọc Mỹ	Tâm	21/01/2002	52	Trung bình
33	3121540119	Kiều Minh	Thanh	10/11/2003	66	Khá
34	3121540123	Trịnh Phương	Thảo	04/08/2003	50	Trung bình
35	3121540126	Dương Ngọc	Thu	17/09/2003	60	Trung bình
36	3121540005	Âu Dương Trí	Thuần	15/01/2003	68	Khá
37	3121540129	Nguyễn Phạm Phương	Thùy	04/02/2003	59	Trung bình
38	3121540133	Lê Hòa Anh	Thư	05/07/2003	65	Khá
39	3121540136	Trần Minh	Thư	22/10/2003	67	Khá
40	3121540139	Võ Hồng	Tiến	02/07/2003	69	Khá
41	3121540142	Nguyễn Đoàn Ngọc	Trâm	14/12/2003	70	Khá
42	3121540145	Đỗ Lê Bảo	Trân	26/05/2003	77	Khá
43	3121540148	Nguyễn Trần Huyền	Trân	05/08/2003	62	Trung bình
44	3121540151	Nguyễn Ngọc	Trinh	16/04/2003	62	Trung bình
45	3121540154	Huỳnh Phương	Uyên	27/08/2003	66	Khá
46	3121540158	Nguyễn Ngọc Tường	Vân	22/08/2003	72	Khá
47	3121540161	Đặng Hoàng Tường	Vy	30/08/2003	59	Trung bình
48	3121540164	Lê Vũ Phương	Vy	02/09/2003	68	Khá
49	3121540168	Trần Đặng Thanh	Vy	21/04/2003	66	Khá
50	3121540172	Kiều Ngọc	Yến	26/09/2003	63	Trung bình
51	3121540174	Võ Ngô Ngọc	Yến	03/11/2003	73	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Quốc tế học - K.21 - Lớp 2 (DQT1212)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 51 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	2	3,9
Tốt	0	0,0
Khá	29	56,9
TB	18	35,3
Yếu	0	0,0
Kém	2	3,9

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Quốc tế học - K.21 - Lớp 3 (DQT1213)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121540015	Lê Thị Minh	Anh	03/11/2003	65	Khá
2	3121540018	Nguyễn Đỗ Hoài	Bảo	06/04/2003	71	Khá
3	3121540006	Nguyễn Khang	Bình	20/05/2003	62	Trung bình
4	3121540022	Nguyễn Ngọc Minh	Chí	03/07/2003	68	Khá
5	3121540026	Lưu Trí	Dũng	29/12/2003	76	Khá
6	3121540029	Võ Thị Phi	Đan	12/06/2003	72	Khá
7	3121540035	Trần Thị Quỳnh	Giang	18/10/2003	68	Khá
8	3121540003	Lý Thuận Giang	Hà	17/01/2003	93	Xuất sắc
9	3121540040	Nguyễn Gia	Hân	25/09/2003	72	Khá
10	3121540044	Phạm Huy	Hoàng	23/10/2003	65	Khá
11	3121540048	Lê Trường	Khánh	08/08/2003	0	Kém
12	3121540051	Nguyễn An	Khương	06/01/2003	72	Khá
13	3121540054	Lý Tiểu	Kỳ	23/07/2003	72	Khá
14	3121540057	Đoàn Ngọc Phương	Linh	29/08/2003	53	Trung bình
15	3121540061	Phan Nguyễn Trúc	Linh	26/03/2003	0	Kém
16	3121540067	Phạm Nguyễn Hoàng	Mai	17/09/2003	84	Tốt
17	3121540071	Bùi Nguyễn Hoàn	Ngân	25/10/2003	80	Tốt
18	3121540075	Phan Đoàn Kim	Ngân	11/01/2003	60	Trung bình
19	3121540078	Huỳnh Hoài	Ngọc	02/06/2003	80	Tốt
20	3121540081	Đỗ Hiếu	Nguyên	21/11/2003	50	Trung bình
21	3121540084	Trần Như	Nguyệt	01/01/2003	73	Khá
22	3121540088	Bùi Thị Yến	Nhi	01/07/2003	77	Khá
23	3121540097	Hoàng Thị Trâm	Như	20/01/2003	69	Khá
24	3121540100	Phạm Đỗ Quỳnh	Như	09/04/2003	70	Khá
25	3121540009	Trần Tâm	Như	07/08/2003	67	Khá
26	3121540103	Trần Thị Tuyết	Phương	09/06/2003	73	Khá
27	3121540106	Nguyễn Minh	Quang	21/09/2003	97	Xuất sắc
28	3121540111	Hồ Thị Như	Quỳnh	29/10/2003	66	Khá
29	3121540114	Nguyễn Thúy	Quỳnh	10/03/2003	75	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Quốc tế học - K.21 - Lớp 3 (DQT1213)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121540117	Nguyễn Nhật Tân	07/02/2003	78	Khá
31	3121540120	Trần Thuận Thành	01/11/2003	75	Khá
32	3121540127	Phan Huỳnh Thuận	05/10/2003	65	Khá
33	3121540130	Dương Thị Kim Thủy	01/10/2003	69	Khá
34	3121540134	Nguyễn Trần Minh Thư	05/02/2003	72	Khá
35	3121540137	Nguyễn Mai Thương	19/06/2003	86	Tốt
36	3121540140	Nguyễn Thị Hoàng Trang	07/10/2002	75	Khá
37	3121540143	Nguyễn Lê Ngọc Trâm	07/01/2003	71	Khá
38	3121540146	Huỳnh Hà Bảo Trân	08/12/2003	73	Khá
39	3121540149	Nguyễn Thái Trí	01/04/2003	68	Khá
40	3121540152	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	11/03/2003	64	Trung bình
41	3121540155	Phạm Thị Phương Uyên	11/06/2003	90	Xuất sắc
42	3121540159	Đàm Thúy Vi	12/05/2003	66	Khá
43	3121540162	Lê Khánh Vy	22/07/2003	0	Kém
44	3121540165	Nguyễn Trần Yến Vy	14/04/2002	65	Khá
45	3121540169	Võ Nguyễn Trúc Vy	07/01/2003	72	Khá
46	3121540173	Trần Hồ Kim Yến	06/08/2003	74	Khá

Tổng cộng danh sách này có 46 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện
Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	3	6,5
Tốt	4	8,7
Khá	31	67,4
TB	5	10,9
Yếu	0	0,0
Kém	3	6,5

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Quốc tế học - K.22 - Lớp 1 (DQT1221)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3122540002	Lê Đoàn Quỳnh	Anh	07/10/2004	51	Trung bình
2	3122540004	Nguyễn Ngọc Trúc	Anh	18/08/2004	57	Trung bình
3	3122540006	Nguyễn Thị Vân	Anh	08/04/2004	74	Khá
4	3122540008	Vũ Huỳnh Hồng	Anh	23/10/2004	58	Trung bình
5	3122540010	Trương Thị Ngọc	Bích	08/03/2004	65	Khá
6	3122540013	Nguyễn Mai	Chi	20/06/2004	58	Trung bình
7	3122540015	Cao Thị Kiều	Diễm	06/11/2004	58	Trung bình
8	3122540017	Đỗ Trí	Dũng	21/09/2004	50	Trung bình
9	3122540020	Ngô Mỹ	Duyên	22/09/2004	64	Trung bình
10	3122540024	Trương Kim	Hằng	05/09/2004	68	Khá
11	3122540026	Trần Lê Gia	Hân	29/06/2004	63	Trung bình
12	3122540028	Long Thị Hồng	Hoa	05/05/2004	83	Tốt
13	3122540031	Ngô Nguyễn Quỳnh	Hương	03/05/2004	60	Trung bình
14	3122540033	Đặng An	Khang	04/06/2004	85	Tốt
15	3122540035	Nguyễn Hồ Văn	Khoa	13/11/2004	83	Tốt
16	3122540037	Trương Vệ	Kiện	18/06/2004	52	Trung bình
17	3122540039	Đào Ngọc	Lan	31/10/2004	0	Kém
18	3122540042	Lê Ngọc Thủy	Linh	22/06/2004	74	Khá
19	3122540044	Trần Phương	Linh	14/10/2004	65	Khá
20	3122540046	Lê Trần Xuân	Mai	10/01/2004	61	Trung bình
21	3122540048	Phan Thị Thanh	Mai	30/11/2004	77	Khá
22	3122540050	Phạm Thảo	My	19/09/2004	65	Khá
23	3122540052	Bùi Thị Ti	Na	12/01/2004	63	Trung bình
24	3122540054	Nguyễn Thu	Ngân	18/03/2004	71	Khá
25	3122540056	Lê Ngọc Khánh	Ngân	14/02/2004	72	Khá
26	3122540058	Nguyễn Thị	Ngân	12/01/2004	74	Khá
27	3122540063	Phạm Bảo	Ngọc	15/11/2003	61	Trung bình
28	3122540065	Nguyễn Hoàng Cao	Nguyễn	12/11/2004	73	Khá
29	3122540067	Võ Thạch Thảo	Nguyễn	26/04/2004	70	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Quốc tế học - K.22 - Lớp 1 (DQT1221)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3122540069	Ngô Thị Thanh	Nhàn	02/03/2003	65	Khá
31	3122540071	Nguyễn Ngọc Phương	Nhi	17/01/2004	63	Trung bình
32	3122540073	Nguyễn Thu Vân	Nhi	09/06/2004	67	Khá
33	3122540077	Trần Minh	Phong	05/05/2004	51	Trung bình
34	3122540079	Trần Đại	Quang	01/06/2004	45	Yếu
35	3122540081	Phạm Thị Mai	Quyên	09/03/2003	77	Khá
36	3122540083	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	02/01/2004	80	Tốt
37	3122540085	Dương Dạ	Thanh	02/11/2004	67	Khá
38	3122540087	Trần Đặng Thiên	Thanh	27/11/2004	75	Khá
39	3121540125	Lê Tường	Thi	27/11/2003	0	Kém
40	3122540089	Lê Thị Kim	Thoa	11/08/2004	78	Khá
41	3122540093	Trần Minh	Thư	22/04/2004	60	Trung bình
42	3122540097	Phạm Nhã Phương	Thy	22/07/2004	0	Kém
43	3122540099	Mai Đặng Thủy	Tiên	02/05/2004	58	Trung bình
44	3122540101	Lê Văn	Tiến	06/09/2004	0	Kém
45	3122540103	Phạm Quỳnh Mỹ	Trang	23/10/2004	58	Trung bình
46	3122540105	Dương Thị Bích	Trâm	08/10/2004	61	Trung bình
47	3122540107	Nguyễn Phan Đông	Triều	26/01/2004	58	Trung bình
48	3122540109	Đinh Thùy Thanh	Trúc	18/07/2004	73	Khá
49	3122540111	Trương Quang	Trường	10/01/2004	58	Trung bình
50	3122540114	Phạm Cẩm	Tuyết	12/02/2004	63	Trung bình
51	3122540117	Lê Hoàng Thảo	Uyên	23/08/2004	68	Khá
52	3122540119	Phạm Ngọc Tú	Uyên	17/09/2004	63	Trung bình
53	3122540122	Võ Hà	Uyên	26/04/2004	74	Khá
54	3122540124	Huỳnh Trọng	Vương	23/02/2004	50	Trung bình
55	3122540126	Hồ Ngọc Tường	Vy	30/12/2004	68	Khá
56	3122540128	Nguyễn Dương Xuân	Vy	29/01/2004	60	Trung bình
57	3122540130	Nguyễn Kiều	Vy	20/07/2004	63	Trung bình
58	3122540132	Nguyễn Thúy Nhật	Vy	20/11/2004	61	Trung bình
59	3122540134	Nguyễn Ngọc Như	Ý	28/09/2004	60	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Quốc tế học - K.22 - Lớp 1 (DQT1221)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 59 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

Điểm Số SV Tỷ lệ %

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

X.sắc

0

0,0

Tốt

4

6,8

Khá

22

37,3

TB

28

47,5

Yếu

1

1,7

Kém

4

6,8

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Quốc tế học - K.22 - Lớp 2 (DQT1222)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3122540003	Lê Nguyễn Quỳnh	Anh	04/03/2004	0	Kém
2	3122540007	Trịnh Minh	Anh	12/06/2004	55	Trung bình
3	3122540009	Vũ Nguyễn Phương	Anh	11/09/2004	71	Khá
4	3122540012	Nguyễn Trần Ngọc	Châu	05/01/2004	56	Trung bình
5	3122540014	Nguyễn Thị Lan	Chi	15/11/2004	62	Trung bình
6	3122540016	Nguyễn Thị Phương	Diệu	13/02/2004	68	Khá
7	3122540019	Nguyễn Khương	Duy	17/04/2002	67	Khá
8	3122540022	Phạm Thị Hương	Giang	27/02/2004	49	Yếu
9	3122540025	Nguyễn Thái Gia	Hân	06/07/2003	60	Trung bình
10	3122540027	Trần Thị Bích	Hân	16/11/2004	63	Trung bình
11	3122540029	Lê Thị	Hòa	08/12/2004	58	Trung bình
12	3122540032	Nguyễn Lan	Hương	30/04/2004	50	Trung bình
13	3122540034	Lê Anh	Khoa	22/03/2004	60	Trung bình
14	3122540036	Huỳnh Thị Xu	Kiên	29/07/2004	78	Khá
15	3122540038	Trần Lê Gia	Lạc	26/01/2004	67	Khá
16	3122540040	Trần Thị Ánh	Lan	30/09/2004	69	Khá
17	3122540043	Nguyễn Hoàng Bảo	Linh	12/06/2004	66	Khá
18	3122540045	Nguyễn Thị Mỹ	Lộc	10/05/2004	71	Khá
19	3122540047	Nguyễn Thị Trúc	Mai	08/01/2004	74	Khá
20	3122540049	Lê Phương	My	05/11/2004	62	Trung bình
21	3122540051	Phạm Thị Trà	My	22/11/2004	63	Trung bình
22	3122540053	Nguyễn Đan	Na	22/06/2004	75	Khá
23	3122540055	Hàng Kim	Ngân	08/10/2003	58	Trung bình
24	3122540057	Nguyễn Ngọc Khánh	Ngân	05/05/2004	55	Trung bình
25	3122540062	Nguyễn Như	Ngọc	18/04/2004	60	Trung bình
26	3122540064	Phạm Xuân Kim	Ngọc	05/04/2004	70	Khá
27	3122540066	Nguyễn Hương	Nguyễn	06/10/2004	70	Khá
28	3122540068	Nguyễn Võ Thanh	Nhã	31/03/2004	68	Khá
29	3122540070	Đào Huệ	Nhi	25/01/2004	58	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Quốc tế học - K.22 - Lớp 2 (DQT1222)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3122540072	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	26/04/2004	58	Trung bình
31	3122540075	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	20/09/2004	66	Khá
32	3122540078	Đặng Lê Hồng	Phúc	07/06/2004	60	Trung bình
33	3122540080	Trần Minh	Quang	20/12/2003	61	Trung bình
34	3122540082	Nguyễn Diệp Như	Quỳnh	05/11/2004	65	Khá
35	3122540084	Lượng Thị Ngọc	Tâm	25/03/2004	68	Khá
36	3122540086	Lại Lương Tuyết	Thanh	13/05/2004	67	Khá
37	3122540088	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	14/11/2004	83	Tốt
38	3122540090	Trương Hoàng	Thơ	22/06/2004	55	Trung bình
39	3122540094	Triệu Anh	Thư	12/07/2004	50	Trung bình
40	3122540098	Bùi Thị Mỹ	Tiên	20/08/2004	63	Trung bình
41	3122540100	Trần Thị Kiều	Tiên	08/09/2004	65	Khá
42	3122540102	Nguyễn Ngọc Thanh	Trang	03/01/2004	63	Trung bình
43	3122540104	Trần Linh	Trang	28/09/2004	48	Yếu
44	3122540106	Phạm Quế	Trân	13/12/2004	0	Kém
45	3122540108	Nguyễn Đăng Hữu	Trúc	12/10/2004	87	Tốt
46	3122540110	Lê Quang	Trường	02/01/2002	57	Trung bình
47	3122540113	Nguyễn Cam Đình	Tuệ	20/06/2004	52	Trung bình
48	3122540116	Lê Cát	Tường	07/07/2004	58	Trung bình
49	3122540118	Lê Thị Thảo	Uyên	21/05/2003	72	Khá
50	3122540120	Phùng Hoàng Mỹ	Uyên	25/10/2004	81	Tốt
51	3122540123	Trương Thị Lê	Vi	01/07/2001	63	Trung bình
52	3122540125	Danh Phạm Thảo	Vy	05/09/2002	55	Trung bình
53	3122540127	Lợi Mai Yến	Vy	11/11/2004	64	Trung bình
54	3122540129	Nguyễn Hoàng Tường	Vy	13/09/2004	72	Khá
55	3122540131	Nguyễn Thị Thảo	Vy	23/06/2004	68	Khá
56	3122540133	Trần Thụy Tường	Vy	25/08/2004	58	Trung bình
57	3122540135	Trần Lâm Như	Ý	17/01/2003	65	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Quốc tế học - K.22 - Lớp 2 (DQT1222)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 57 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
------	-------	---------

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

X.sắc	0	0,0
-------	---	-----

Tốt	3	5,3
-----	---	-----

Khá	22	38,6
-----	----	------

TB	28	49,1
----	----	------

Yếu	2	3,5
-----	---	-----

Kém	2	3,5
-----	---	-----

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Việt Nam học - K.19 - Lớp 1 (DVI1191)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119350001	Lê Thị Kim	An	16/06/2001	64	Trung bình
2	3119350005	Đỗ Thị Ngọc	Anh	01/01/2001	63	Trung bình
3	3119350009	Lương Tú	Anh	27/11/2001	75	Khá
4	3119350013	Vũ Thị Quỳnh	Anh	30/09/2001	85	Tốt
5	3119350016	Lê Khánh	Băng	09/01/2001	80	Tốt
6	3119350020	Nguyễn Thái Thanh	Bình	29/03/2001	76	Khá
7	3119350023	Trần Thị Mộng	Cầm	19/06/2001	69	Khá
8	3119350028	Lê Thị	Diệu	06/03/2001	75	Khá
9	3119350034	Huỳnh Quốc	Đại	21/09/2001	68	Khá
10	3119350038	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	14/01/2001	73	Khá
11	3119350041	Đỗ Thị Ngọc	Hạnh	11/08/2001	78	Khá
12	3119350051	Tô Gia	Hân	04/06/2001	82	Tốt
13	3119350054	Nguyễn Thị Thu	Hiền	08/10/2001	78	Khá
14	3119350058	Đỗ Phước	Hòa	28/08/2001	80	Tốt
15	3119350062	Lê Thị Yến	Hồng	03/04/2001	68	Khá
16	3119350066	Nông Minh	Huệ	24/04/2001	76	Khá
17	3119350075	Bùi Quốc	Hung	30/12/2001	78	Khá
18	3119350078	Lương Thị Quỳnh	Hương	09/10/2001	66	Khá
19	3119350083	Nguyễn Như Thị Mộng	Kiều	10/06/2001	73	Khá
20	3119350087	Đỗ Thị Tố	Lan	27/02/2001	78	Khá
21	3119350091	Trần Ngọc	Lâm	18/06/2001	70	Khá
22	3119350095	Bùi Thùy	Linh	29/10/2001	73	Khá
23	3119350104	Kim Thị Tuyết	Mai	26/02/2000	78	Khá
24	3119350109	Nguyễn Tiến	Mạnh	22/06/2001	70	Khá
25	3119350113	Vũ Nhi	My	22/10/2001	69	Khá
26	3119350121	Trần Thị Thanh	Ngân	04/06/2000	79	Khá
27	3119350126	Trần Bảo	Ngọc	13/09/2001	72	Khá
28	3119350129	Vũ Thị Hạnh	Nguyên	05/10/2001	74	Khá
29	3119350133	Lê Vũ Thành	Nhân	31/03/2001	72	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Việt Nam học - K.19 - Lớp 1 (DVI191)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3119350144	Nguyễn Thị Yến	Nhi	16/03/2001	73	Khá
31	3119350150	Dương Thị	Nhung	25/08/2001	59	Trung bình
32	3119350155	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	25/11/2001	71	Khá
33	3119350161	Nguyễn Thị Chúc	Ny	14/01/2000	68	Khá
34	3119350168	Nguyễn Ngọc	Phúc	08/07/2001	73	Khá
35	3119350174	Nguyễn Đức Minh	Quân	08/02/2001	59	Trung bình
36	3119350177	Nguyễn Ngọc	Quý	22/01/2001	68	Khá
37	3119350184	Dương Thị Hồng	Sương	30/01/2001	72	Khá
38	3119350191	Nguyễn Thị Lệ	Thanh	19/01/2001	69	Khá
39	3119350196	Hồ Thị Thu	Thảo	14/09/2001	58	Trung bình
40	3119350199	Nguyễn Thị	Thi	04/06/2000	78	Khá
41	3119350203	Nguyễn Thị	Thùy	13/04/2001	74	Khá
42	3119350206	Huỳnh Anh	Thư	11/08/2001	68	Khá
43	3119350209	Nguyễn Mai	Thy	01/03/2001	76	Khá
44	3119350214	Nguyễn Hà	Trang	05/12/2001	68	Khá
45	3119350218	Trịnh Thị Thu	Trang	13/02/2001	59	Trung bình
46	3119350230	Phạm Hữu Thanh	Tú	10/07/2001	57	Trung bình
47	3119350233	Võ Thị Ánh	Tuyết	28/06/2001	73	Khá
48	3119350236	Nguyễn Võ Giang Thùy	Uyên	07/10/2001	63	Trung bình
49	3119350241	Trần Thị Nhật	Vi	03/06/2001	60	Trung bình
50	3119350245	Đỗ Dương	Vương	01/03/2001	90	Xuất sắc
51	3119350249	Nguyễn Khánh	Vy	04/02/2001	67	Khá
52	3119350253	Trần Thị Thúy	Vy	09/02/2001	68	Khá
53	3119350258	Võ Hoàng	Yên	23/09/2001	87	Tốt



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Việt Nam học - K.19 - Lớp 1 (DVI1191)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 53 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	1	1,9
Tốt	5	9,4
Khá	38	71,7
TB	9	17,0
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Việt Nam học - K.19 - Lớp 2 (DVI1192)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119350002	Nguyễn Xuân	An	25/10/2001	63	Trung bình
2	3119350007	Huỳnh Tú	Anh	02/07/2001	63	Trung bình
3	3119350010	Nguyễn Thị	Anh	14/09/2001	48	Yếu
4	3119350014	Nguyễn Ngọc	Ánh	01/03/2001	90	Xuất sắc
5	3119350017	Nguyễn Lê Công	Bằng	26/03/2001	66	Khá
6	3119350021	Phan Khắc Hưng	Bình	19/07/2001	65	Khá
7	3119350025	Đình Duy	Chiến	16/09/2001	59	Trung bình
8	3119350030	Trần Khánh	Duy	12/01/2001	66	Khá
9	3119350036	Đoàn Đắc	Đức	24/11/2001	66	Khá
10	3119350039	Lê Cảnh	Hà	08/07/2001	61	Trung bình
11	3119350047	Nguyễn Thanh	Hằng	29/03/2001	68	Khá
12	3119350052	Trương Gia	Hân	26/07/2001	97	Xuất sắc
13	3119350055	Nguyễn Thị Thu	Hiền	01/09/2001	65	Khá
14	3119350059	Nguyễn Thị Kim	Hoàng	05/08/2001	65	Khá
15	3119350063	Trần Lê Thị Thanh	Hồng	25/08/2001	66	Khá
16	3119350067	Tạ Nguyễn Bích	Huệ	18/01/2001	71	Khá
17	3119350072	Vòng Nhuận	Huy	06/06/2001	53	Trung bình
18	3119350076	Tăng Đạt	Hưng	09/06/2001	74	Khá
19	3119350080	Đoàn Lê Anh	Khoa	31/10/2001	60	Trung bình
20	3119350085	Trần Thị Vĩnh	Kiều	16/04/2001	65	Khá
21	3119350088	Nguyễn Mỹ	Lan	03/04/2001	55	Trung bình
22	3119350093	Cil Pam Ha	Lân	20/09/2001	75	Khá
23	3119350096	Lục Mỹ	Linh	25/11/2001	70	Khá
24	3119350101	Huỳnh Thị Trúc	Ly	03/01/2001	66	Khá
25	3119350105	Lưu Ngọc	Mai	16/05/2001	48	Yếu
26	3119350111	Lê Nguyễn Tuyết	Minh	06/10/2001	68	Khá
27	3119350114	Võ Hoàng	Nam	16/11/2001	65	Khá
28	3119350119	Nguyễn Thị Mỹ	Ngân	21/07/2001	75	Khá
29	3119350123	Dương Thị Kim	Ngọc	11/01/2001	72	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Việt Nam học - K.19 - Lớp 2 (DVI192)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3119350127	Võ Thị Hồng	Ngọc	31/05/2001	78	Khá
31	3119350131	Nguyễn Thị Như	Nguyệt	03/01/2001	68	Khá
32	3119350136	Đỗ Thị Huỳnh	Nhi	04/04/2001	68	Khá
33	3119350146	Phạm Thị Ý	Nhi	19/04/2000	63	Trung bình
34	3119350151	Khuông Thị Hồng	Nhung	24/01/2001	65	Khá
35	3119350156	Trần Huỳnh	Như	28/03/2001	66	Khá
36	3119350166	Mai Đình	Phong	14/06/2001	73	Khá
37	3119350178	Duy Thị Tú	Quyên	01/04/2001	60	Trung bình
38	3119350185	Phùng Đình	Tài	12/11/2001	71	Khá
39	3119350188	Nguyễn Nhật	Tân	09/01/2001	40	Yếu
40	3119350192	Trần Đông	Thanh	12/10/2001	63	Trung bình
41	3119350201	Ngô Thị Cẩm	Thu	18/01/2001	66	Khá
42	3119350204	Lê Thị	Thúy	10/08/2001	63	Trung bình
43	3119350207	Lê Minh	Thư	19/04/2001	77	Khá
44	3119350216	Nguyễn Thị Thùy	Trang	15/12/2001	81	Tốt
45	3119350219	Dương Ngọc	Trâm	09/03/2001	84	Tốt
46	3119350225	Lư Bích	Truyền	24/04/2001	95	Xuất sắc
47	3119350231	Bùi Minh	Tuy	19/03/2001	63	Trung bình
48	3119350234	Huỳnh Ngọc	Tỷ	24/05/2001	73	Khá
49	3119350237	Phạm Mai Hải	Uyên	22/02/2001	70	Khá
50	3119350242	Võ Lê Thúy	Viên	07/08/2001	73	Khá
51	3119350246	Diệp Thúy	Vy	21/09/2001	63	Trung bình
52	3119350250	Nguyễn Thị Thảo	Vy	29/07/2001	58	Trung bình
53	3119350254	Võ Ngọc Tường	Vy	25/06/2001	70	Khá
54	3119350260	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	22/04/2001	74	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Việt Nam học - K.19 - Lớp 2 (DVI1192)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 54 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

Điểm Số SV Tỷ lệ %

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

X.sắc 3 5,6

Tốt 2 3,7

Khá 32 59,3

TB 14 25,9

Yếu 3 5,6

Kém 0 0,0

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Việt Nam học - K.19 - Lớp 3 (DVI1193)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3119350004	Trần Thị Thúy	An	17/12/2001	75	Khá
2	3119350012	Phạm Hoàng Quỳnh	Anh	22/07/2001	66	Khá
3	3119350015	Nguyễn Ngọc	Bách	27/12/2001	63	Trung bình
4	3119350019	Lê Nguyễn Như	Bình	30/12/2001	76	Khá
5	3119350022	Trần Sơn	Ca	16/09/2001	72	Khá
6	3119350027	Trịnh Thị Kiều	Diễm	11/11/2001	68	Khá
7	3119350031	Lữ Thị Kim	Duyên	07/06/2001	73	Khá
8	3119350037	Trần Văn	Đức	17/11/2001	68	Khá
9	3119350040	Mạc Nhung	Hà	27/06/2001	68	Khá
10	3119350045	Phan Thị Mỹ	Hào	05/10/2001	58	Trung bình
11	3119350048	Nguyễn Thị Thu	Hằng	02/09/2001	71	Khá
12	3119350053	Nguyễn Thị Bé	Hiền	18/04/2001	71	Khá
13	3119350061	Trần Ngọc Huy	Hoàng	22/04/1999	90	Xuất sắc
14	3119350064	Trịnh Thị Ánh	Hồng	19/09/2001	68	Khá
15	3119350069	Kiều Quang	Huy	12/09/2001	58	Trung bình
16	3119350073	Lê Thị Như	Huyền	20/05/2001	68	Khá
17	3119350077	Đậu Thị	Hương	06/09/2001	68	Khá
18	3119350081	Dương Anh	Kiệt	17/08/2001	71	Khá
19	3119350086	Võ Hoàng Kỳ	Lam	24/04/2001	81	Tốt
20	3119350089	Tạ Xuân	Lan	03/02/2001	65	Khá
21	3119350099	Phạm Lê Tiểu	Linh	28/04/2001	66	Khá
22	3119350103	Hà Thanh	Mai	08/06/2001	81	Tốt
23	3119350106	Nguyễn Thị Kiều	Mai	13/06/2001	78	Khá
24	3119350112	Nguyễn Thị Hạ	My	13/10/2001	71	Khá
25	3119350116	Lê Thị Phương	Ngân	27/07/2001	71	Khá
26	3119350124	Đỗ Đức	Ngọc	28/04/2001	65	Khá
27	3119350128	Ngô Anh	Nguyên	12/08/2001	65	Khá
28	3119350132	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	13/03/2001	65	Khá
29	3119350138	Lê Thị Yến	Nhi	13/01/2001	58	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Việt Nam học - K.19 - Lớp 3 (DVI193)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3119350143	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	12/12/2001	68	Khá
31	3119350148	Trần Ngọc Kiều	Nhi	16/12/2001	71	Khá
32	3119350152	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	09/10/2001	70	Khá
33	3119350159	Đặng Thị Thúy	Nữ	18/05/2001	73	Khá
34	3119350167	Liêu Hoàng	Phúc	04/02/2001	65	Khá
35	3119350172	Nguyễn Thị	Phương	24/02/2001	87	Tốt
36	3119350176	Lê Xuân Mỹ	Quý	05/06/2001	76	Khá
37	3119350181	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	04/12/2001	78	Khá
38	3119350186	Lâm Thị Thu	Tâm	28/10/2001	90	Xuất sắc
39	3119350189	Lê Chấn	Tây	22/11/2001	73	Khá
40	3119350198	Hồ Thị Hồng	Thắm	13/08/2001	75	Khá
41	3119350202	Nguyễn Thị Lệ	Thuận	01/03/2001	71	Khá
42	3119350205	Cao Thị Lan	Thư	19/07/2001	70	Khá
43	3119350213	Đỗ Thị Thùy	Trang	29/07/2001	84	Tốt
44	3119350220	Trần Tuyết	Trâm	21/09/2001	85	Tốt
45	3119350227	Trương Nhật	Trường	24/05/2001	66	Khá
46	3119350232	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	20/12/2001	78	Khá
47	3119350235	Huỳnh Thị Hạnh	Uyên	23/02/2001	79	Khá
48	3119350243	Đỗ Ngọc	Vinh	26/08/2001	66	Khá
49	3119350247	Lê Nguyễn Phương	Vy	09/06/2001	73	Khá
50	3119350256	Phan Như	Ý	19/04/2001	80	Tốt
51	3119350261	Võ Thị Thu	Yến	18/12/2001	70	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Việt Nam học - K.19 - Lớp 3 (DVI1193)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
-----	-------	--------------	-----------	---------	----------

Tổng cộng danh sách này có 51 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	2	3,9
Tốt	6	11,8
Khá	39	76,5
TB	4	7,8
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Việt Nam học - K.20 - Lớp 1 (DVI1201)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120350009	Lê Nguyễn Phương	Anh	11/07/2002	63	Trung bình
2	3120350018	Võ Trọng	Bình	01/06/2001	66	Khá
3	3120350023	Lâm Quốc	Cường	08/06/2002	70	Khá
4	3120350032	Lưu Kim	Đánh	04/05/2002	67	Khá
5	3120350043	Hoàng Thị	Hải	22/10/2002	66	Khá
6	3120350046	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	15/09/2002	64	Trung bình
7	3120350051	Lý Minh	Hân	11/02/2002	67	Khá
8	3120350054	Đặng Trung	Hậu	01/01/2001	51	Trung bình
9	3120350060	Võ Thị Thanh	Hoa	12/04/2002	66	Khá
10	3120350063	Từ Phi	Hùng	03/01/2002	64	Trung bình
11	3120350073	Mai Tuấn	Khanh	05/05/2002	67	Khá
12	3120350080	Võ Thị Như	Lài	09/02/2002	64	Trung bình
13	3120350083	Nguyễn Thị Thanh	Lan	25/12/2001	67	Khá
14	3120350109	Triệu Thị	Mây	16/07/2002	74	Khá
15	3120350116	Nguyễn Thị	My	30/11/2002	83	Tốt
16	3120350119	Nguyễn Thị Thanh	Na	24/10/2002	70	Khá
17	3120350122	Nguyễn Phú	Nam	24/07/2002	58	Trung bình
18	3120350126	Lê Thị Thanh	Ngân	10/07/2001	63	Trung bình
19	3120350131	Nguyễn Thị Bích	Ngân	06/02/2002	69	Khá
20	3120350140	Trần Thị Bích	Ngọc	03/07/2002	69	Khá
21	3120350143	Nguyễn Thị	Nguyên	05/01/2002	68	Khá
22	3120350146	Nguyễn Tiền	Nhân	18/09/2002	65	Khá
23	3120350150	Lê Nữ Hoài	Nhi	15/08/2001	0	Kém
24	3120350153	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	09/12/2002	62	Trung bình
25	3120350156	Trần Thị Yến	Nhi	09/05/2002	76	Khá
26	3120350160	Trần Hồng	Nhớ	16/07/2001	71	Khá
27	3120350170	Đoàn Thị Hồng	Phấn	23/10/2002	64	Trung bình
28	3120350173	Dương Tiến	Phương	30/04/2002	76	Khá
29	3120350178	Lê Văn	Quân	09/11/2002	66	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Việt Nam học - K.20 - Lớp 1 (DVI1201)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3120350183	Lê Ánh	Quỳnh	20/11/2002	66	Khá
31	3120350188	Trần Ngọc	Tài	19/09/2002	65	Khá
32	3120350193	Nguyễn Huỳnh Quốc	Thái	06/02/2002	79	Khá
33	3120350197	Hồ Thái Thanh	Thảo	01/09/2002	67	Khá
34	3120350201	Lê Thị Tuyết	Thắm	26/12/2002	65	Khá
35	3120350208	Nguyễn Văn	Thuận	29/03/2001	68	Khá
36	3120350215	Trần Thị Anh	Thư	31/01/2002	64	Trung bình
37	3120350222	Trần Cẩm	Tiên	13/07/2002	66	Khá
38	3120350232	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	10/12/2002	61	Trung bình
39	3120350235	Phạm Bích	Trâm	27/11/2002	68	Khá
40	3120350243	Lê Ánh	Tuấn	11/12/2002	67	Khá
41	3120350254	Lê Khánh	Tường	01/10/2002	72	Khá
42	3120350257	Nguyễn Hữu	Việt	28/03/2002	71	Khá
43	3120350260	Phạm Thị Ánh	Vương	07/08/2002	77	Khá
44	3120350263	Nguyễn Thị Tường	Vy	06/01/2002	67	Khá
45	3120350267	Trần Nguyễn Khánh	Vy	01/01/2002	64	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có 45 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	1	2,2
Khá	31	68,9
TB	12	26,7
Yếu	0	0,0
Kém	1	2,2

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Việt Nam học - K.20 - Lớp 2 (DVI1202)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120350010	Ngô Nguyễn Mỹ	Anh	06/09/2002	71	Khá
2	3120350016	Lê Công	Bằng	05/10/2002	72	Khá
3	3120350019	Thái Thị Ngọc	Cầm	22/05/2002	61	Trung bình
4	3120350033	Tô Ngọc	Đào	30/03/2002	63	Trung bình
5	3120350044	Phạm Ngọc	Hải	30/12/2001	66	Khá
6	3120350049	Nguyễn Thị	Hằng	01/08/2002	86	Tốt
7	3120350052	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	31/03/2002	68	Khá
8	3120350058	Phạm Thị Thục	Hiền	16/07/2002	58	Trung bình
9	3120350066	Nguyễn Thị Thu	Huyền	05/09/2002	73	Khá
10	3120350069	Vũ Ngọc Quỳnh	Hương	09/08/2002	79	Khá
11	3120350076	Nguyễn Hữu Phúc	Khánh	11/10/2002	66	Khá
12	3120350081	Dương Thị Thanh	Lam	02/02/2002	69	Khá
13	3120350085	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	22/06/2002	77	Khá
14	3120350100	Dương Văn	Lùng	25/05/2002	59	Trung bình
15	3120350105	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	30/09/2002	63	Trung bình
16	3120350110	Cù Diễm	Mi	22/10/2002	63	Trung bình
17	3120350120	Huỳnh Phương	Nam	20/07/2002	58	Trung bình
18	3120350123	Trịnh Hoàng	Nam	01/07/2002	87	Tốt
19	3120350129	La Thị Bích	Ngân	29/03/2000	73	Khá
20	3120350134	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	01/07/2002	62	Trung bình
21	3120350138	Nguyễn Phước	Nghĩa	06/10/2002	72	Khá
22	3120350141	Võ Bảo	Ngọc	26/10/2002	59	Trung bình
23	3120350144	Nguyễn Bá	Nhà	08/04/2002	65	Khá
24	3120350147	Trần Anh	Nhân	18/03/2002	50	Trung bình
25	3120350151	Lê Thị Tuyết	Nhi	13/12/2002	55	Trung bình
26	3120350154	Nguyễn Lâm Yến	Nhi	21/07/2002	65	Khá
27	3120350157	Từ Thanh Yến	Nhi	03/01/2002	59	Trung bình
28	3120350166	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	23/01/2002	62	Trung bình
29	3120350171	Tất Vĩ	Phong	17/11/2002	65	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Việt Nam học - K.20 - Lớp 2 (DVI1202)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3120350176	Võ Thị Lan	Phương	02/03/2002	60	Trung bình
31	3120350180	Nguyễn Tấn Phú	Quý	18/12/2001	64	Trung bình
32	3120350186	Trần Thị Tuyết	Sương	29/11/2001	62	Trung bình
33	3120350194	Trương Thanh	Thanh	11/09/2002	75	Khá
34	3120350199	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	28/10/2002	85	Tốt
35	3120350202	Nguyễn Hoàng Khánh	Thì	16/05/2002	72	Khá
36	3120350206	Nguyễn Thị Kim	Thoa	28/08/2002	75	Khá
37	3120350210	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	13/12/2002	65	Khá
38	3120350223	Võ Văn	Tiến	01/06/2002	63	Trung bình
39	3120350233	Trần Phương	Trang	20/02/2002	65	Khá
40	3120350237	Nguyễn Trọng	Trí	18/03/2002	69	Khá
41	3120350241	Phan Thị Thanh	Trúc	19/02/2002	62	Trung bình
42	3120350246	Ngô Thanh	Tùng	07/08/2002	65	Khá
43	3120350251	Phan Thanh	Tuyền	05/01/2002	85	Tốt
44	3120350255	Lê Phương	Uyên	25/06/2002	63	Trung bình
45	3120350258	Châu Quốc	Vinh	07/03/2002	62	Trung bình
46	3120350261	Đặng Huỳnh Bảo	Vy	06/06/2002	76	Khá
47	3120350007	Lê Trần Nhã	Vy	15/01/2002	77	Khá
48	3120350264	Nguyễn Thùy	Vy	30/12/2002	66	Khá
49	3120350270	Nguyễn Thị Như	Ý	06/12/2002	82	Tốt

Tổng cộng danh sách này có 49 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	5	10,2
Khá	24	49,0
TB	20	40,8
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Việt Nam học - K.20 - Lớp 3 (DVI1203)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3120350017	Nguyễn Thái	Bình	29/11/2002	76	Khá
2	3120350020	Lê Thị Kim	Chi	16/10/2002	69	Khá
3	3120350036	Nguyễn Thị Mỹ	Gấm	26/02/2002	85	Tốt
4	3120350045	Hoàng Vũ Thu	Hạnh	12/10/2002	64	Trung bình
5	3120350050	Vũ Thị Thanh	Hằng	03/05/2002	78	Khá
6	3120350053	Trịnh Thị Ngọc	Hân	08/08/2002	72	Khá
7	3120350059	Lê Tấn	Hiệp	14/03/2002	64	Trung bình
8	3120350062	Phạm Giang	Hồng	26/02/2002	67	Khá
9	3120350067	Lê Diễm	Huỳnh	21/10/2002	57	Trung bình
10	3120350070	Nguyễn Tuấn	Kha	03/09/2002	64	Trung bình
11	3120350079	Ngô Tuấn	Kiệt	03/07/2002	64	Trung bình
12	3120350082	Phan Thị Thanh	Lam	08/02/2002	76	Khá
13	3120350086	Lê Thanh	Liêm	23/03/2002	84	Tốt
14	3120350108	Võ Đặng Gia	Mẫn	10/12/2002	0	Kém
15	3120350118	Nguyễn Thị Trà	My	15/08/2002	68	Khá
16	3120350121	Nguyễn Phạm Hoàng	Nam	07/04/2002	64	Trung bình
17	3120350125	Đỗ Thị Thúy	Nga	10/12/2002	77	Khá
18	3120350130	Nguyễn Hoài	Ngân	01/05/2002	69	Khá
19	3120350135	Phan Thị Thu	Ngân	13/07/2002	0	Kém
20	3120350139	Tu Do Khánh	Nghiệp	09/12/2002	67	Khá
21	3120350145	Đinh Thị Mỹ	Nhân	11/10/2002	75	Khá
22	3120350149	Huỳnh Thị Yến	Nhi	25/03/2002	80	Tốt
23	3120350158	Vũ Đào Trang	Nhi	01/01/2002	0	Kém
24	3120350164	Nguyễn Thị Ngọc	Như	11/08/2002	77	Khá
25	3120350172	Lê Thị Hồng	Phúc	21/08/2002	71	Khá
26	3120350177	Chiu Ngọc	Phượng	29/08/2002	67	Khá
27	3120350181	Đặng Kim	Quyên	22/02/2002	67	Khá
28	3120350187	Huỳnh Chí	Tài	17/10/2002	0	Kém
29	3120350195	Huỳnh Tín	Thành	10/07/2002	0	Kém



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: Đại học chính quy - ngành Việt Nam học - K.20 - Lớp 3 (DVI1203)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3120350200	Ngô Thị Hồng	Thắm	16/02/2002	72	Khá
31	3120350203	Trần Thị Bảo	Thì	01/02/2002	67	Khá
32	3120350207	Trần Đình	Thống	19/02/2002	61	Trung bình
33	3120350211	Trần Thị Ngọc	Thúy	05/12/2002	79	Khá
34	3120350221	Thạch Thị Mỹ	Tiên	03/01/2002	67	Khá
35	3120350230	Nguyễn Thị Huyền	Trang	03/02/2002	81	Tốt
36	3120350234	Cà Thị Bích	Trâm	19/12/2002	72	Khá
37	3120350238	Lê Thị Ngọc	Trình	18/10/2002	77	Khá
38	3120350242	Đỗ Thị Cẩm	Tú	21/01/2002	67	Khá
39	3120350249	Nguyễn Diệp	Tuyền	06/11/2002	75	Khá
40	3120350256	Phạm Thị Thảo	Vân	09/05/2000	74	Khá
41	3120350259	Phạm Phi	Vũ	05/02/2002	54	Trung bình
42	3120350262	Huỳnh Triệu Tường	Vy	05/02/2002	67	Khá
43	3120350265	Phạm Thị Khánh	Vy	14/10/2002	81	Tốt
44	3120350272	Nguyễn Thị Kiều	Yến	30/10/2002	64	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có 44 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	0	0,0
Tốt	5	11,4
Khá	25	56,8
TB	9	20,5
Yếu	0	0,0
Kém	5	11,4

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Việt Nam học - K.21 - Lớp 1 (DVI1211)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121350015	Nguyễn Văn	Anh	24/01/2003	71	Khá
2	3121350019	Mai Ngọc	Ánh	30/04/2003	65	Khá
3	3121350023	Đình Thanh	Bình	28/07/2003	68	Khá
4	3121350036	Thạch Thị Linh	Đa	09/02/2003	68	Khá
5	3121350001	Thăng Quý	Hào	14/10/2003	100	Xuất sắc
6	3121350040	Nguyễn Gia	Hào	16/10/2003	65	Khá
7	3121350047	Nguyễn Ngọc	Hiền	28/11/2003	70	Khá
8	3121350053	Nguyễn Xuân	Hòa	09/03/2003	68	Khá
9	3121350057	Hồ Thị	Huệ	05/09/2003	69	Khá
10	3121350061	Võ Gia	Huy	27/09/2003	83	Tốt
11	3121350064	Nguyễn Ngọc Ngân	Huỳnh	19/05/2003	80	Tốt
12	3121350074	Trần Tuấn	Khang	03/05/2001	67	Khá
13	3121350089	Huỳnh Nguyễn Nhật	Linh	02/09/2003	69	Khá
14	3121350096	Trần Trọng	Luân	05/06/2003	93	Xuất sắc
15	3121350101	Nguyễn Ngọc Hải	My	22/05/2003	63	Trung bình
16	3121350105	Nguyễn Thị	Nâu	30/09/2003	56	Trung bình
17	3121350112	Phạm Kim	Ngân	16/08/2003	64	Trung bình
18	3121350116	Danh Phương	Nghi	09/07/2003	68	Khá
19	3121350119	Nguyễn Văn	Nghĩa	17/03/2001	63	Trung bình
20	3121350128	Bùi Trung	Nguyên	14/09/2003	58	Trung bình
21	3121350132	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	16/03/2003	71	Khá
22	3121350136	Phạm Trang	Nhã	20/06/2003	76	Khá
23	3121350152	Võ Thị Huỳnh	Như	19/07/2003	72	Khá
24	3121350159	Nguyễn Hoàng	Phúc	11/08/2003	62	Trung bình
25	3121350164	Lê Đặng Kim	Quyên	27/03/2003	69	Khá
26	3121350182	Võ Thị Thanh	Thắm	01/07/2003	70	Khá
27	3121350185	Nguyễn Vũ Hoàng	Thịnh	28/08/2003	53	Trung bình
28	3121350189	Đình Thị Ngọc	Thùy	06/01/2003	63	Trung bình
29	3121350193	Nguyễn Anh	Thư	29/12/2003	51	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Việt Nam học - K.21 - Lớp 1 (DVI1211)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121350203	Lê Thu Trang	30/12/2003	68	Khá
31	3121350207	Đặng Thị Huyền Trâm	06/08/2003	64	Trung bình
32	3121350210	Trần Ngọc Quế Trâm	16/08/2003	68	Khá
33	3121350213	Nguyễn Thị Hoài Trân	25/10/2003	69	Khá
34	3121350217	Phan Thanh Triền	22/06/2001	65	Khá
35	3121350220	Nguyễn Thị Kiều Trinh	05/10/2003	69	Khá
36	3121350004	Phạm Minh Tú	03/02/2003	73	Khá
37	3121350234	Huỳnh Hàn Uyên	06/10/2003	71	Khá
38	3121350239	Lê Thị Cẩm Vân	15/03/2003	85	Tốt
39	3121350242	Nguyễn Anh Vũ	09/12/2003	69	Khá
40	3121350245	Trần Phạm Khánh Vy	24/02/2002	73	Khá
41	3121350249	Tăng Ngọc Xuyên	06/11/2003	77	Khá
42	3121350252	Trần Thị Thu Yên	15/09/2003	65	Khá

Tổng cộng danh sách này có 42 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	2	4,8
Tốt	3	7,1
Khá	27	64,3
TB	10	23,8
Yếu	0	0,0
Kém	0	0,0

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Việt Nam học - K.21 - Lớp 2 (DVI1212)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121350009	Mai Đại	An	22/12/2003	69	Khá
2	3121350013	Nguyễn Thúy	Anh	21/12/2003	67	Khá
3	3121350016	Phan Thị Lan	Anh	22/10/2003	81	Tốt
4	3121350021	Tăng Gia	Bảo	15/11/2003	100	Xuất sắc
5	3121350032	Nguyễn Thanh	Duy	04/05/2003	90	Xuất sắc
6	3121350038	Nguyễn Thị	Được	17/02/2001	72	Khá
7	3121350041	Trần Thị	Hằng	02/08/2003	69	Khá
8	3121350054	Nguyễn Thị	Hoài	14/07/2003	0	Kém
9	3121350059	Huỳnh Quang	Huy	18/03/2003	69	Khá
10	3121350062	Phạm Thị Diễm	Huyền	14/10/2003	67	Khá
11	3121350075	Nguyễn Ngọc Tuấn	Khanh	06/11/2003	88	Tốt
12	3121350079	Vương Thanh	Khôi	06/10/2003	73	Khá
13	3121350086	Bùi Thúy	Linh	27/04/2003	73	Khá
14	3121350094	Trịnh Muối	Loán	21/10/2002	70	Khá
15	3121350099	Vũ Thanh	Mai	29/12/2003	69	Khá
16	3121350102	Nguyễn Thị Ánh	My	18/10/2003	63	Trung bình
17	3121350107	Huỳnh Thủy	Ngà	20/10/2003	71	Khá
18	3121350002	Ngô Kim	Ngân	15/05/2003	85	Tốt
19	3121350113	Phạm Thị Hồng	Ngân	23/10/2003	63	Trung bình
20	3121350120	Bùi Mỹ	Ngọc	26/06/2003	77	Khá
21	3121350129	Ngô Mai	Nguyên	26/10/2003	71	Khá
22	3121350133	Lâm Thị Chí	Nguyễn	29/01/2003	67	Khá
23	3121350139	Nguyễn Minh	Nhật	24/02/2003	71	Khá
24	3121350144	Sỳ Yến	Nhi	26/11/2003	92	Xuất sắc
25	3121350150	Hồ Thị Khả	Như	25/06/2003	63	Trung bình
26	3121350156	Bùi Hồng	Phú	03/01/2003	65	Khá
27	3121350161	Nguyễn Thị Ngọc	Phương	19/01/2003	72	Khá
28	3121350167	Nguyễn Như	Quỳnh	26/06/2003	88	Tốt
29	3121350174	Lê Minh	Thái	09/09/2003	78	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Việt Nam học - K.21 - Lớp 2 (DVI1212)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121350178	Phan Trần Phương	Thanh	26/03/2003	66	Khá
31	3121350183	Phạm Quốc	Thắng	26/03/2003	60	Trung bình
32	3121350187	Lê Thị Mỹ	Thuận	22/05/2003	60	Trung bình
33	3121350190	Nguyễn Thị	Thùy	06/04/2003	72	Khá
34	3121350195	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	10/03/2003	72	Khá
35	3121350200	Nhữ Đào Nhật	Tiên	24/01/2003	91	Xuất sắc
36	3121350204	Nguyễn Ngọc	Trang	03/05/2002	70	Khá
37	3121350211	Trịnh Thụy Quỳnh	Trâm	18/11/2003	0	Kém
38	3121350214	Trần Thị Thảo	Trân	04/02/2003	63	Trung bình
39	3121350218	Bùi Thị Kiều	Trình	19/12/2003	79	Khá
40	3121350228	Nguyễn Thanh	Tuyền	25/09/2003	72	Khá
41	3121350243	Nguyễn Thị Kim	Vui	02/01/2003	73	Khá
42	3121350246	Trịnh Triệu	Vy	08/01/2003	65	Khá
43	3121350250	Bành Ngọc Như	Ý	14/06/2000	77	Khá
44	3121350253	Hồ Nguyễn Ngọc	Yến	02/03/2003	71	Khá
45	3121350255	Nguyễn Thị Kim	Yến	26/10/2003	67	Khá

Tổng cộng danh sách này có 45 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	4	8,9
Tốt	4	8,9
Khá	29	64,4
TB	6	13,3
Yếu	0	0,0
Kém	2	4,4

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Việt Nam học - K.21 - Lớp 3 (DVI1213)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3121350010	Dương Thị Ngọc	Anh	08/06/2003	69	Khá
2	3121350014	Nguyễn Trương Ngọc	Anh	01/03/2003	63	Trung bình
3	3121350018	Trương Huỳnh Loan	Anh	03/10/2003	82	Tốt
4	3121350022	Trần Ngô Gia	Bảo	01/05/2003	65	Khá
5	3121350034	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	29/11/2003	88	Tốt
6	3121350044	Phạm Hồng	Hân	16/03/2003	66	Khá
7	3121350052	Đỗ Quang	Hòa	27/03/2003	66	Khá
8	3121350056	Nguyễn Thị Thu	Hồng	08/06/2003	70	Khá
9	3121350060	Tổng Bảo	Huy	10/09/2003	70	Khá
10	3121350063	Vũ Thị Thu	Huyền	20/04/2003	63	Trung bình
11	3121350069	Bùi Thanh Chế	Kha	19/12/2003	51	Trung bình
12	3121350081	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	06/02/2003	66	Khá
13	3121350088	Hồ Nguyễn Ngọc	Linh	27/08/2003	69	Khá
14	3121350095	Phạm Duy Hải	Long	04/01/2003	0	Kém
15	3121350100	Lê Hoàng Nhật	Minh	27/07/2003	92	Xuất sắc
16	3121350103	Nguyễn Trần Trà	My	03/06/2003	52	Trung bình
17	3121350111	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	24/12/2002	61	Trung bình
18	3121350118	Nguyễn Thanh	Nghi	04/01/2003	65	Khá
19	3121350121	Huỳnh Thúy	Ngọc	20/10/2003	64	Trung bình
20	3121350131	Nguyễn Thị Ngọc	Nguyên	03/06/2003	62	Trung bình
21	3121350135	Nguyễn Thanh	Nhã	19/09/2003	65	Khá
22	3121350142	Lê Uyên	Nhi	11/09/2003	72	Khá
23	3121350147	Nguyễn Thị Ngọc	Nhung	19/09/2003	66	Khá
24	3121350151	Võ Huỳnh	Như	03/12/2003	63	Trung bình
25	3121350158	Nguyễn Điền	Phúc	19/04/2003	63	Trung bình
26	3121350163	Lương Anh	Quốc	27/06/2003	87	Tốt
27	3121350170	Lưu Cơ	Tân	07/10/2003	91	Xuất sắc
28	3121350175	Ngô Thị Mai	Thanh	24/10/2003	68	Khá
29	3121350181	Lê Ngọc	Thảo	04/01/2003	67	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Việt Nam học - K.21 - Lớp 3 (DVI1213)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3121350184	Nguyễn Thị Hồng	Thiết	06/12/2003	84	Tốt
31	3121350188	Đinh Thị Mỹ	Thùy	29/01/2003	84	Tốt
32	3121350192	Bùi Thị Anh	Thư	14/10/2003	72	Khá
33	3121350196	Phạm Anh	Thư	03/06/2003	68	Khá
34	3121350201	Hoàng Thị Thùy	Trang	02/02/2003	60	Trung bình
35	3121350209	Phạm Quỳnh	Trâm	24/03/2003	63	Trung bình
36	3121350212	Đỗ Thị Bảo	Trân	03/10/2003	67	Khá
37	3121350215	Nguyễn Anh	Trí	16/10/2003	57	Trung bình
38	3121350223	Trần Thanh Thi	Trúc	02/11/2003	90	Xuất sắc
39	3121350229	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	16/09/2003	75	Khá
40	3121350236	Nguyễn Thị Phương	Uyên	29/04/2003	68	Khá
41	3121350241	Nguyễn Hoàng Thúy	Vi	28/09/2003	66	Khá
42	3121350244	Tiêu Viết	Vương	03/07/2003	71	Khá
43	3121350251	Lê Thang Như	Ý	24/08/2003	51	Trung bình
44	3121350254	Nguyễn Bảo	Yến	28/02/2003	63	Trung bình
45	3121350256	Trương Hồng	Yến	02/03/2003	51	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có 45 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	3	6,7
Tốt	5	11,1
Khá	21	46,7
TB	15	33,3
Yếu	0	0,0
Kém	1	2,2

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Việt Nam học - K.22 - Lớp 1 (DVI1221)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3122350001	Đỗ Hoàng Thiên	An	16/03/2004	67	Khá
2	3122350006	Lê Quốc	Anh	29/10/2004	68	Khá
3	3122350010	Trần Ngọc Lan	Anh	16/08/2004	0	Kém
4	3122350015	H Thuyết	Ayun	15/11/2004	79	Khá
5	3122350020	Lê Trần	Bình	11/03/2004	71	Khá
6	3122350024	Dương Ngọc	Châu	05/02/2004	64	Trung bình
7	3122350030	Đặng Thị	Cúc	17/02/2004	100	Xuất sắc
8	3122350035	Nguyễn Thanh	Dũng	25/03/2004	77	Khá
9	3122350039	Nguyễn Quốc	Duy	25/02/2004	62	Trung bình
10	3122350045	Nguyễn Trần Thùy	Dương	16/12/2004	45	Yếu
11	3122350049	Trần Chí	Đạt	15/04/2004	59	Trung bình
12	3122350055	Nguyễn Thị Hương	Giang	16/12/2004	59	Trung bình
13	3122350060	Ngô Hồng	Hạnh	07/02/2004	82	Tốt
14	3122350064	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	26/08/2004	0	Kém
15	3122350070	Hoàng Thị Thu	Hiền	29/11/2004	63	Trung bình
16	3122350074	Trần Xuân	Hòa	25/03/2004	81	Tốt
17	3122350080	Nguyễn Thị Bích	Hồng	17/11/2004	64	Trung bình
18	3122350084	Lê Mỹ	Huyền	12/10/2004	63	Trung bình
19	3122350088	Nguyễn Thị Thu	Hương	11/03/2004	61	Trung bình
20	3122350093	Nguyễn Nhị	Khang	29/06/2004	100	Xuất sắc
21	3122350097	Phạm Hồng	Lam	17/04/2004	73	Khá
22	3122350106	Nguyễn Huyền	Linh	16/09/2004	74	Khá
23	3122350112	Lê Thanh	Lộc	30/09/2004	63	Trung bình
24	3122350118	Nguyễn Thị	Mai	10/10/2003	62	Trung bình
25	3122350122	Lê Kiều	Mơn	15/10/2004	64	Trung bình
26	3122350127	Lý Trần Bảo	Nam	19/07/2002	58	Trung bình
27	3122350131	Phạm Huỳnh Tuyết	Ngân	21/03/2004	58	Trung bình
28	3122350135	Tạ Tuệ	Nghi	23/03/2004	72	Khá
29	3122350143	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	24/08/2004	61	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Việt Nam học - K.22 - Lớp 1 (DVI1221)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3122350147	Trần Đại Nguyên	24/09/2004	57	Trung bình
31	3122350151	Đặng Hoàng Ý Nhi	16/12/2004	66	Khá
32	3122350155	Nguyễn Đặng Yến Nhi	29/02/2004	58	Trung bình
33	3122350162	Tôn Nguyễn Phương Nhi	29/11/2004	61	Trung bình
34	3122350166	Tô Cẩm Nhung	10/06/2004	70	Khá
35	3122350170	Dương Ngọc Như	19/07/2004	77	Khá
36	3122350174	Nguyễn Thị Khánh Như	07/10/2004	59	Trung bình
37	3122350178	Nguyễn Đào Châu Ninh	11/12/2004	0	Kém
38	3122350182	Tạ Thiên Phú	27/10/2004	63	Trung bình
39	3122350186	Nguyễn Kim Phụng	13/05/2004	58	Trung bình
40	3122350190	Kiều Thị Thanh Phương	31/01/2004	85	Tốt
41	3122350195	Nguyễn Thị Diễm Quyên	03/12/2004	68	Khá
42	3122350200	Nguyễn Ngọc Như Quỳnh	05/11/2004	93	Xuất sắc
43	3122350210	Võ Công Thành	12/03/2004	71	Khá
44	3122350216	Trần Thị Ngọc Thảo	28/11/2004	65	Khá
45	3122350220	Trần Nguyễn Thành Thắng	23/05/2004	75	Khá
46	3122350225	Hoàng Hữu Thiện	19/08/2004	79	Khá
47	3122350229	Dương Lam Thủy	23/07/2004	81	Tốt
48	3122350234	Hoàng Lê Minh Thư	10/12/2004	60	Trung bình
49	3122350238	Nguyễn Thị Anh Thư	09/05/2004	58	Trung bình
50	3122350242	Trần Nguyễn Minh Thư	21/02/2004	65	Khá
51	3122350250	Nguyễn Thị Thùy Trang	02/08/2004	61	Trung bình
52	3122350255	Nguyễn Ngọc Trâm	30/09/2004	69	Khá
53	3122350259	Từ Lệ Trân Trân	23/10/2002	78	Khá
54	3122350264	Lê Thị Tú Trinh	10/12/2003	61	Trung bình
55	3122350270	Trương Minh Trung	28/02/2004	58	Trung bình
56	3122350276	Lê Nguyễn Kim Tuyền	16/05/2004	65	Khá
57	3122350280	Nguyễn Thị Phương Uyên	04/01/2004	62	Trung bình
58	3122350284	Hoàng Ngọc Vi	07/12/2004	63	Trung bình
59	3122350289	Lê Trần Thảo Vy	27/10/2004	66	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Việt Nam học - K.22 - Lớp 1 (DVI1221)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
60	3122350293	Nguyễn Trần Đan Vy	20/12/2003	67	Khá
61	3122350297	Phạm Trần Thanh Xuân	27/01/2004	63	Trung bình
62	3122350301	Nguyễn Thị Như Ý	11/07/2004	65	Khá

Tổng cộng danh sách này có 62 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	3	4,8
Tốt	4	6,5
Khá	23	37,1
TB	28	45,2
Yếu	1	1,6
Kém	3	4,8

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Việt Nam học - K.22 - Lớp 2 (DVI1222)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3122350002	La Trần Huy	An	03/06/2004	81	Tốt
2	3122350007	Lý Nhật	Anh	01/08/2004	82	Tốt
3	3122350011	Võ Lê Phương	Anh	12/09/2003	66	Khá
4	3122350016	Lê Quốc	Bảo	27/10/2004	63	Trung bình
5	3122350021	Nguyễn Thị An	Bình	06/05/2004	72	Khá
6	3122350027	Nguyễn Trịnh Khánh	Châu	15/05/2004	73	Khá
7	3122350031	Võ Công	Danh	29/01/2004	63	Trung bình
8	3122350036	Nguyễn Khánh	Duy	21/12/2004	68	Khá
9	3122350042	Lê Thị Mỹ	Duyên	25/07/2003	60	Trung bình
10	3122350046	Vũ Thùy	Dương	12/11/2004	82	Tốt
11	3122350051	Dương Hoàng	Đức	05/08/2004	75	Khá
12	3122350056	Trương Thành	Giang	04/07/2004	78	Khá
13	3122350061	Phan Mỹ	Hằng	11/11/2004	89	Tốt
14	3122350065	Phan Vĩnh Gia	Hân	19/05/2004	63	Trung bình
15	3122350071	Võ Thị Kim	Hiền	05/10/2004	79	Khá
16	3122350081	Phạm Văn	Hùng	17/10/2004	71	Khá
17	3122350085	Vũ Thị Thanh	Huyền	17/07/2004	63	Trung bình
18	3122350089	Nguyễn Thị Thu	Hương	20/12/2004	65	Khá
19	3122350094	Khuong Đại	Khắc	09/10/2004	69	Khá
20	3122350098	Trần Thị	Lành	26/10/2004	78	Khá
21	3122350103	Cao Thị Thùy	Linh	13/09/2004	71	Khá
22	3122350108	Nguyễn Thị	Linh	20/04/2004	80	Tốt
23	3122350113	Nguyễn Như	Lợi	10/03/2004	78	Khá
24	3122350119	Nguyễn Thị Thanh	Mai	03/01/2004	65	Khá
25	3122350123	Huỳnh Võ Trà	My	13/09/2004	67	Khá
26	3122350128	Bùi Thị Thanh	Ngân	06/07/2004	63	Trung bình
27	3122350132	Lê Hồ Tuyết	Nghi	29/09/2004	70	Khá
28	3122350136	Nguyễn Huỳnh Thanh	Nghĩa	14/03/2004	63	Trung bình
29	3122350140	Lê Bảo	Ngọc	17/01/2004	67	Khá



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Việt Nam học - K.22 - Lớp 2 (DVI1222)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3122350144	Nguyễn Trần Mỹ	Ngọc	17/09/2004	70	Khá
31	3122350148	Huỳnh Thị Thanh	Nhã	14/04/2004	65	Khá
32	3122350152	Đào Lê Uyên	Nhi	17/06/2004	77	Khá
33	3122350156	Nguyễn Ngọc	Nhi	28/02/2004	71	Khá
34	3122350163	Võ Thị Xuân	Nhi	17/07/2004	0	Kém
35	3122350167	Châu Thị Huỳnh	Như	06/03/2004	65	Khá
36	3122350171	Lâm Băng	Như	25/06/2004	0	Kém
37	3122350175	Phạm Ngọc Khánh	Như	08/05/2004	70	Khá
38	3122350179	Phan Thị	Nở	01/12/2004	96	Xuất sắc
39	3122350183	Kiều Hoàng	Phúc	22/03/2004	69	Khá
40	3122350187	Nguyễn Thị Kim	Phụng	04/11/2004	75	Khá
41	3122350191	Nguyễn Thị Hồng	Quân	07/08/2004	73	Khá
42	3122350196	Phạm Thị Đan	Quyên	29/05/2004	70	Khá
43	3122350201	Thái Tấn	Sang	17/08/1998	84	Tốt
44	3122350211	Bành Kim	Thảo	26/03/2004	70	Khá
45	3122350217	Trần Thị Việt	Thảo	09/06/2004	54	Trung bình
46	3122350221	Nguyễn Thị Kim	Thân	11/06/2004	83	Tốt
47	3122350226	Huỳnh Đức	Thịnh	16/04/2004	75	Khá
48	3122350230	Nguyễn Thị Thu	Thúy	12/10/2004	63	Trung bình
49	3122350235	Huỳnh Anh	Thư	21/07/2004	85	Tốt
50	3122350239	Nguyễn Thị Minh	Thư	19/06/2004	64	Trung bình
51	3122350243	Trương Thị Minh	Thư	26/02/2004	68	Khá
52	3122350251	Võ Thị Hồng	Trang	06/09/2004	82	Tốt
53	3122350256	Lê Nguyễn Hoàng	Trân	31/05/2004	82	Tốt
54	3122350260	Trần Nguyễn Minh	Trí	21/12/2004	64	Trung bình
55	3122350265	Nguyễn Thị Ngọc	Trình	17/05/2004	61	Trung bình
56	3122350271	Tô Nhật	Trường	06/11/2004	72	Khá
57	3122350277	Lê Nguyễn Ngọc	Tuyết	02/11/2004	71	Khá
58	3122350281	Nguyễn Trần Duy	Uyên	18/02/2004	77	Khá
59	3122350285	Lê Công	Vinh	10/10/2004	56	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Việt Nam học - K.22 - Lớp 2 (DVI1222)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
60	3122350290	Ngô Bảo Tường Vy	02/12/2004	79	Khá
61	3122350294	Phan Lan Vy	09/04/2004	68	Khá
62	3122350298	Lê Thị Cẩm Xương	24/12/2004	0	Kém
63	3122350303	Lê Huỳnh Yến	10/02/2004	67	Khá
64	3122350307	Vũ Hồ Hải Yến	30/01/2004	85	Tốt

Tổng cộng danh sách này có 64 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	1	1,6
Tốt	11	17,2
Khá	36	56,3
TB	13	20,3
Yếu	0	0,0
Kém	3	4,7

TS. Võ Văn Thật



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Việt Nam học - K.22 - Lớp 3 (DVI1223)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3122350004	Hoàng Thị Trúc	Anh	26/10/2004	58	Trung bình
2	3122350008	Mai Ngọc	Anh	13/06/2004	59	Trung bình
3	3122350012	Võ Mai Ngọc	Anh	29/08/2004	55	Trung bình
4	3122350017	Trang Gia	Bảo	26/04/2004	56	Trung bình
5	3122350022	Vũ Hoàng Yên	Bình	11/08/2004	68	Khá
6	3122350028	Nguyễn Thị Kim	Chi	01/01/2004	50	Trung bình
7	3122350032	Mạch Thị Kim	Diên	04/08/2004	70	Khá
8	3122350037	Nguyễn Nhật	Duy	16/10/2004	58	Trung bình
9	3122350043	Võ Thị Mỹ	Duyên	01/08/2004	63	Trung bình
10	3122350047	Lê Thành	Đạt	15/02/2004	0	Kém
11	3122350052	H Nguyệt	Êban	25/09/2004	63	Trung bình
12	3122350058	Nguyễn Lê Trường	Guyn	23/04/2003	58	Trung bình
13	3122350062	Lê Nguyễn Bảo	Hân	11/05/2004	66	Khá
14	3122350066	Thái Lâm Gia	Hân	13/10/2003	56	Trung bình
15	3122350072	Vũ Ngọc Thảo	Hiền	04/04/2004	85	Tốt
16	3122350077	Đỗ Minh	Hoàng	26/08/2004	70	Khá
17	3122350082	Chung Kim	Hùng	03/02/2004	83	Tốt
18	3122350086	Trịnh Như	Huỳnh	27/08/2004	72	Khá
19	3122350090	Lương Thị Thu	Hường	18/03/2004	60	Trung bình
20	3122350095	Phùng Tuấn	Kiệt	28/01/2004	87	Tốt
21	3122350100	Phạm Thị Ánh	Liên	12/01/2004	63	Trung bình
22	3122350104	Đào Ngọc Kiều	Linh	04/08/2004	70	Khá
23	3122350109	Nguyễn Thị Kiều	Linh	02/04/2004	72	Khá
24	3122350116	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	28/09/2004	68	Khá
25	3122350120	Phạm Lê Xuân	Mai	06/09/2004	64	Trung bình
26	3122350124	Nguyễn Diễm	My	04/01/2004	66	Khá
27	3122350129	Huỳnh Thị Kim	Ngân	16/09/2004	58	Trung bình
28	3122350133	Nguyễn Ngọc Mộng	Nghi	17/09/2004	84	Tốt
29	3122350137	Trần Thị	Nghĩa	07/10/2004	58	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Việt Nam học - K.22 - Lớp 3 (DVI1223)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3122350141	Lê Thị Thảo Ngọc	08/11/2004	87	Tốt
31	3122350145	Võ Hoa Thúy Ngọc	17/11/2004	71	Khá
32	3122350149	Ngô Lê Phương Nhân	10/01/2004	58	Trung bình
33	3122350153	Đỗ Hoàng Yến Nhi	09/05/2004	70	Khá
34	3122350157	Nguyễn Ngọc Ý Nhi	24/09/2004	60	Trung bình
35	3122350164	Lường Thị Hồng Nhung	16/04/2004	91	Xuất sắc
36	3122350168	Châu Tuyết Như	25/12/2004	78	Khá
37	3122350172	Lê Thị Tố Như	07/05/2004	68	Khá
38	3122350176	Lưu Nguyễn Minh Nhựt	09/09/2004	58	Trung bình
39	3122350180	Võ Thị Yến Oanh	09/01/2004	68	Khá
40	3122350184	Nguyễn Phạm Huy Phúc	15/11/2004	81	Tốt
41	3122350188	Bùi Lê Hoàng Phương	13/12/2004	58	Trung bình
42	3122350192	Nguyễn Cát Xuân Quê	10/12/2004	73	Khá
43	3122350197	Trần Vũ Thảo Quyên	12/02/2004	0	Kém
44	3122350203	Nguyễn Thanh Sinh	17/01/2004	68	Khá
45	3122350207	Thạch Nguyễn Quốc Thái	03/01/2004	82	Tốt
46	3122350213	Nguyễn Ngọc Thảo	23/04/2004	86	Tốt
47	3122350218	Nguyễn Văn Thắng	26/04/2004	54	Trung bình
48	3122350223	Phan Thị Mỹ Thiển	26/11/2004	70	Khá
49	3122350227	Nguyễn Châu Gia Thuận	19/03/2004	56	Trung bình
50	3122350231	Đoàn Minh Thư	21/07/2004	60	Trung bình
51	3122350236	Nguyễn Ngọc Minh Thư	10/05/2004	59	Trung bình
52	3122350240	Phạm Thị Minh Thư	04/09/2004	73	Khá
53	3122350244	Truong Hồ Minh Tiến	03/02/2003	63	Trung bình
54	3122350248	Nguyễn Minh Trang	04/11/2004	66	Khá
55	3122350252	Nguyễn Ngọc Trâm	10/09/2004	62	Trung bình
56	3122350257	Nguyễn Huỳnh Ngọc Trân	18/04/2004	74	Khá
57	3122350261	Nguyễn Minh Triết	19/01/2004	85	Tốt
58	3122350267	Tạ Nguyễn Phương Trinh	16/11/2004	76	Khá
59	3122350272	Phúc Anh Tú	29/12/2004	80	Tốt



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Việt Nam học - K.22 - Lớp 3 (DVI1223)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
60	3122350278	Lê Minh	Tự	27/04/2004	66	Khá
61	3122350282	Phạm Thị Tố	Uyên	22/02/2004	68	Khá
62	3122350287	Huỳnh Thị Thuý	Vy	24/04/2004	70	Khá
63	3122350291	Nguyễn Bảo	Vy	05/11/2004	64	Trung bình
64	3122350295	Trần Thị Thảo	Vy	07/04/2004	0	Kém
65	3122350304	Nguyễn Hoàng Kim	Yến	02/11/2003	64	Trung bình

Tổng cộng danh sách này có 65 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

Trong đó

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	1	1,5
Tốt	10	15,4
Khá	24	36,9
TB	27	41,5
Yếu	0	0,0
Kém	3	4,6

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Võ Văn Thật



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: DH chính quy - ngành Việt Nam học - K.22 - Lớp 4 (DVI1224)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
1	3122350005	Lê Nguyễn Ngọc	Anh	16/10/2004	60	Trung bình
2	3122350009	Ngô Thị Kim	Anh	28/01/2003	58	Trung bình
3	3122350014	Thái Ngọc	Ánh	02/09/2004	59	Trung bình
4	3122350018	Trương Quốc	Bảo	06/03/2004	72	Khá
5	3122350023	Nguyễn Thị Lệ	Cầm	23/05/2004	77	Khá
6	3122350029	Võ Minh	Của	01/10/2004	59	Trung bình
7	3122350033	Nguyễn Thị	Diệu	19/08/2004	64	Trung bình
8	3122350038	Nguyễn Phương	Duy	29/05/2004	65	Khá
9	3122350044	Nguyễn Thị Thùy	Dương	05/11/2004	73	Khá
10	3122350048	Trần Cao Thành	Đạt	12/10/2004	60	Trung bình
11	3122350053	Trần Thị Hồng	Gấm	18/04/2004	67	Khá
12	3122350059	Nguyễn Trung	Hải	17/12/2004	55	Trung bình
13	3122350063	Lê Quyền	Hân	04/03/2004	68	Khá
14	3122350067	Trần Ngọc	Hân	04/01/2004	65	Khá
15	3122350073	Trần Thị Xuân	Hoa	10/07/2004	85	Tốt
16	3122350078	Võ Minh	Hoàng	10/08/2004	93	Xuất sắc
17	3122350083	Trần Quang	Huy	23/04/2004	86	Tốt
18	3122350087	Nguyễn Ngọc Minh	Hưng	08/08/2004	57	Trung bình
19	3122350091	Lương Minh	Kha	04/10/2004	72	Khá
20	3122350096	Nguyễn Thiên	Kim	23/03/2004	65	Khá
21	3122350101	Phạm Thị Thúy	Liễu	08/12/2002	63	Trung bình
22	3122350105	Đỗ Huyền	Linh	27/08/2004	50	Trung bình
23	3122350110	Phan Thị Diệu	Linh	25/09/2004	64	Trung bình
24	3122350117	Nguyễn Dương Tuyết	Mai	31/07/2004	62	Trung bình
25	3122350121	Trần Ngọc Xuân	Mai	22/08/2004	88	Tốt
26	3122350126	Phạm Nguyễn Trúc	My	13/12/2004	65	Khá
27	3122350130	Nguyễn Ngọc Mỹ	Ngân	04/06/2004	58	Trung bình
28	3122350134	Nguyễn Tường	Nghi	01/05/2004	61	Trung bình
29	3122350138	Võ Thanh	Nghĩa	05/10/2004	60	Trung bình



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Việt Nam học - K.22 - Lớp 4 (DVI1224)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
30	3122350142	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	01/10/2004	55	Trung bình
31	3122350146	Dần Khánh	Nguyên	12/09/2004	60	Trung bình
32	3122350150	Nguyễn Thành	Nhân	11/09/2004	0	Kém
33	3122350154	Ngô Tuyết	Nhi	23/09/2004	68	Khá
34	3122350161	Nguyễn Thị Yến	Nhi	17/04/2004	86	Tốt
35	3122350165	Nguyễn Hồng	Nhung	29/02/2004	71	Khá
36	3122350169	Chu Dương Ánh	Như	16/09/2004	66	Khá
37	3122350173	Nguyễn Dương Quỳnh	Như	22/01/2004	62	Trung bình
38	3122350177	Trần Minh	Nhật	03/02/2004	64	Trung bình
39	3122350181	Nguyễn Thanh	Phong	11/08/2004	64	Trung bình
40	3122350185	Nguyễn Trọng	Phúc	06/01/2004	0	Kém
41	3122350189	Hồng Tuấn	Phương	06/04/2004	68	Khá
42	3122350194	Nguyễn Đặng Mai	Quyên	02/09/2004	60	Trung bình
43	3122350199	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	25/09/2004	74	Khá
44	3122350204	Đặng Giang	Son	22/05/2004	78	Khá
45	3122350208	Phạm Ngọc	Thanh	01/03/2004	72	Khá
46	3122350215	Trần Thanh	Thảo	04/06/2004	62	Trung bình
47	3122350219	Phạm Hữu	Thắng	23/03/2004	85	Tốt
48	3122350224	Đoàn Thị Hoàn	Thiện	20/10/2004	65	Khá
49	3122350228	Trần Minh	Thuận	28/10/2004	58	Trung bình
50	3122350233	Hà Thị Ánh	Thư	20/01/2004	68	Khá
51	3122350237	Nguyễn Thanh	Thư	15/06/2004	76	Khá
52	3122350241	Tổng Anh	Thư	26/04/2004	63	Trung bình
53	3122350245	Nguyễn Thị Mai	Tiên	26/06/2004	76	Khá
54	3122350249	Nguyễn Thị Thu	Trang	15/05/2004	54	Trung bình
55	3122350253	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	08/04/2004	67	Khá
56	3122350258	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	22/02/2004	82	Tốt
57	3122350262	Trần Hữu	Triết	11/02/2003	62	Trung bình
58	3122350269	Trương Đức	Trọng	27/05/2004	51	Trung bình
59	3122350273	Phan Văn	Tuấn	05/03/2004	48	Yếu



Kết Quả Rèn Luyện Học Kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2022 - 2023 (Dự kiến)

Lớp: ĐH chính quy - ngành Việt Nam học - K.22 - Lớp 4 (DVI1224)

Khoa: Văn hóa và Du lịch (VD)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Điểm RL	Xếp loại
60	3122350279	Lê Ngọc Thảo Uyên	12/01/2004	59	Trung bình
61	3122350283	Nguyễn Thị Ngọc Vân	24/01/2004	69	Khá
62	3122350288	Lê Thị Ánh Vy	26/12/2004	64	Trung bình
63	3122350292	Nguyễn Kiều Vy	08/11/2004	58	Trung bình
64	3122350296	Trần Yến Vy	24/03/2004	61	Trung bình
65	3122350300	Lê Thị Như Ý	29/03/2004	64	Trung bình
66	3122350306	Võ Thị Hải Yến	29/09/2004	70	Khá

Tổng cộng danh sách này có 66 sinh viên được đánh giá điểm rèn luyện

TP.HCM, Ngày 24 tháng 07 năm 2023

Trong đó

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Điểm	Số SV	Tỷ lệ %
X.sắc	1	1,5
Tốt	6	9,1
Khá	24	36,4
TB	32	48,5
Yếu	1	1,5
Kém	2	3,0

TS. Võ Văn Thật